

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 393 ngày 04/02/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)



WE CREATE VALUE

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Doanh nghiệp số: 0800286887 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 10/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05/03/2020)

Địa chỉ: Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương,
Việt Nam

Số điện thoại: 022 0356 0641 Fax: 022 0356 0642

Email: bch@gmail.com.vn

Website: www.bch.com.vn

Vốn điều lệ đã góp: 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng)

Phụ trách Công bố thông tin

Họ và tên: **Lê Thu Phương**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: 022 03560641

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG | 5 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của công ty..... | 5 |
| 1.1. Tên, địa chỉ của Công ty đại chúng..... | 5 |
| 1.2. Ngành nghề kinh doanh chính | 5 |
| 1.3. Giới thiệu chứng khoán đăng ký giao dịch | 7 |
| 1.4. Lịch sử hình thành và phát triển | 8 |
| 1.5. Quá trình tăng vốn từ thời điểm thành lập | 9 |
| 2. Cơ cấu tổ chức Công ty | 11 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty..... | 11 |
| 3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý | 11 |
| 3.2. Diễn giải sơ đồ | 12 |
| 4. Cơ cấu cổ đông | 17 |
| 4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 22/05/2021..... | 17 |
| 4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty | 18 |
| 4.3. Danh sách cổ đông sáng lập..... | 19 |
| 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức ĐKGD, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD..... | 20 |
| 5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD | 20 |
| 5.2. Công ty con, công ty mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối..... | 20 |
| 5.3. Danh sách Công ty liên kết..... | 20 |
| 6. Hoạt động kinh doanh | 20 |
| 6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm chính của Công ty | 20 |
| 6.2. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp | 23 |
| 6.3. Nguồn cung cấp đầu vào | 24 |
| 6.4. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 25 |
| 6.5. Trình độ Công nghệ | 27 |
| 6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới..... | 27 |
| 6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm | 27 |
| 6.8. Hoạt động Marketing | 28 |
| 6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền | 28 |
| 7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm gần nhất..... | 28 |
| 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: | 28 |
| 7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo | 31 |
| 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 31 |
| 8.1. Vị thế của Công ty trong ngành | 31 |
| 8.2. Triển vọng phát triển của ngành | 32 |
| 8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới | 32 |
| 9. Chính sách đối với người lao động | 34 |
| 9.1. Cơ cấu lao động của Công ty | 34 |
| 9.2. Chế độ làm việc | 34 |
| 9.3. Chính sách tuyển dụng..... | 35 |
| 9.4. Chính sách đào tạo | 35 |



| | |
|---|-----------|
| 9.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi..... | 35 |
| 10. Chính sách cổ tức | 36 |
| 11. Tình hình hoạt động tài chính năm gần nhất..... | 36 |
| 11.1. Trích khấu hao tài sản cố định | 36 |
| 11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn..... | 37 |
| 11.3. Các khoản phải nộp theo luật định..... | 37 |
| 11.4. Trích lập các Quỹ theo luật định..... | 38 |
| 11.5. Tổng dư nợ vay | 38 |
| 11.6. Hàng tồn kho..... | 40 |
| 11.7. Tình hình Công nợ hiện nay | 40 |
| 11.8. Đầu tư tài chính..... | 42 |
| 11.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 43 |
| 12. Tài sản của Công ty..... | 45 |
| 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 46 |
| 13.1. Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Công ty giai đoạn năm 2021 – 2022 | 46 |
| 13.2. Căn cứ thực hiện kế hoạch..... | 47 |
| 13.3. Biện pháp để thực hiện kế hoạch | 47 |
| 14. Chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh | 48 |
| 15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức ĐKGD | 48 |
| 16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty | 49 |
| II. QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 49 |
| 1. Cơ cấu Hội đồng quản trị..... | 49 |
| 2. Ban kiểm soát | 55 |
| 3. Ban Giám đốc..... | 57 |
| 4. Kế toán trưởng | 58 |
| 5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty | 58 |
| 6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ..... | 59 |
| 7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định | 66 |
| PHỤ LỤC..... | 68 |



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | | |
|-------------|---|--|
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| BTGD | : | Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần B.C.H |
| BKS | : | Ban Kiểm soát Công ty cổ phần B.C.H |
| CBCNV | : | Cán bộ Công nhân viên Công ty cổ phần B.C.H |
| CTCP | : | Công ty cổ phần |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần B.C.H |
| DTT | : | Doanh thu thuần |
| TGD | : | Tổng Giám đốc Công ty cổ phần B.C.H |
| Giấy CNĐKKD | : | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| HĐQT | : | Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần B.C.H |
| HNX | : | Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| SLCP | : | Số lượng cổ phiếu |
| TNDN | : | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| GTGT | : | Thuế Giá trị gia tăng |
| TSCĐ | : | Tài sản cố định |
| TSLĐ | : | Tài sản lưu động |
| UBCKNN | : | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| VCSH | : | Vốn chủ sở hữu |



14/09/2014

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty****1.1. Tên, địa chỉ của Công ty đại chúng**

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
- Trụ sở chính : Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
- Điện thoại : 022 0356 0641 Fax: 022 0356 0642
- Website : www.bch.com.vn
- Email : bch@gmail.com.vn
- Biểu tượng của Công ty:



WE CREATE VALUE

- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số **0800286887** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 10/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05/03/2020.
- Người đại diện pháp luật: Ông **Đặng Ngọc Hưng** Chức danh: Tổng Giám đốc
- Vốn điều lệ đăng ký: 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn)
- Vốn điều lệ thực góp: 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn)
- Ngày trở thành công ty đại chúng 04/02/2021

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0800286887 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 10/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05/03/2020, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

| STT | Ngành nghề | Mã số |
|-----|---|--------------|
| 1 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: bán buôn sắt, phôi thép, quặng sắt, quặng mangan, bột nhôm, Đôlômít, huỳnh thạch, fero silic và các nguyên liệu khác phục vụ ngành luyện kim | 4662 (Chính) |
| 2 | Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: sản xuất, gia công kim loại và các sản phẩm về thép | 2410 |
| 3 | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: sản xuất, gia công kim loại và các sản phẩm từ kim loại | 2420 |

| STT | Ngành nghề | Mã số |
|-----|---|-------|
| 4 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: khai thác, chế biến quặng mangan, bô xít nhôm, fero | 0722 |
| 5 | Khai thác quặng sắt | 0710 |
| 6 | Khai thác và thu gom than bùn Chi tiết: khai thác và chế biến than cốc, than điện cực | 0892 |
| 7 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 8 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: dịch vụ cân hàng hóa | 5229 |
| 9 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | 4511 |
| 10 | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) | 4512 |
| 11 | Bán mô tô, xe máy | 4541 |
| 12 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 13 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2392 |
| 14 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn vôi, vật liệu xây dựng, sản phẩm chịu lửa | 4663 |
| 15 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng | 4290 |
| 16 | Sản xuất giày dép | 1520 |
| 17 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: bán buôn giày dép và nguyên liệu giày dép | 4641 |
| 18 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ giày dép và nguyên liệu giày dép | 4771 |
| 19 | Khai thác gỗ | 0221 |
| 20 | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ | 0222 |
| 21 | Khai thác thủy sản nội địa | 0312 |
| 22 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt | 1010 |
| 23 | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản | 1020 |
| 24 | Chế biến và bảo quản rau quả | 1030 |
| 25 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620 |
| 26 | Bán buôn thực phẩm | 4632 |
| 27 | Sản xuất sản phẩm chịu lửa | 2391 |
| 28 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |

| STT | Ngành nghề | Mã số |
|-----|---|-------|
| 29 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển xếp dỡ hàng hóa | 7730 |
| 30 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, than đá, than cốc, than điện cực và các nhiên liệu rắn khác | 4661 |

1.3. Giới thiệu Chứng khoán đăng ký giao dịch

- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Mã chứng khoán:** BCA
- **Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch:** 19.000.000 cổ phiếu
- **Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của tổ chức ĐKGD:** 0 cổ phiếu
- **Giới hạn về tỷ lệ sở hữu đối với người nước ngoài: 0%**

Hiện tại, Điều lệ Công ty cổ phần B.C.H không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800286887 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 10/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/03/2020, Công ty có ngành nghề kinh doanh sau:

- **Mã 4661:** Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, than đá, than cốc, than điện cực và các nhiên liệu rắn khác.

Theo WTO, AFAS, FTAs, VKFTA: không được thực hiện quyền phân phối đối với: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã được ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột), thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải. Theo công văn số: 3630/UBCK-PTTT ngày 15/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty ở mức 0% đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty là **0%**.

Tại thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

1.4. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần B.C.H được thành lập vào ngày 10 tháng 03 năm 2004 theo Giấy chứng nhận ĐKKD công ty cổ phần số: 0403000138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 10/03/2004 với số vốn điều lệ ban đầu là 8 tỷ đồng với hoạt động chính là sản xuất, thương mại hàng tiêu dùng; sản xuất mua bán vật liệu xây dựng. Ngày 26/09/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần với mã số thuế mới là: 0800286887. Qua quá trình phát triển, Công ty đã định hướng và tập trung mũi nhọn vào ngành nghề sản xuất, thương mại các sản phẩm phôi thép, thép xây dựng và sản phẩm về than.

Trong giai đoạn năm 2007 - 2008, Công ty thực hiện tăng quy mô vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng và thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép quy mô gần 600 tỷ đồng. Nhà máy đi vào sản xuất ổn định từ năm 2009. Đến năm 2012, Công ty tiếp tục nâng vốn điều lệ lên 190 tỷ đồng để nâng cao năng lực tài chính Công ty. Nhà máy sản xuất thép của Công ty sau 06 năm hoạt động, tới năm 2014 với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật trong sản xuất phôi thép, hệ thống dây chuyền sản xuất của Công ty đã cũ và không đáp ứng được khả năng cạnh tranh về giá thành sản xuất. Mặt khác, áp lực ô nhiễm môi trường từ phía người dân địa phương khi nhà máy thép của Công ty nằm trong khu liên hợp sản xuất thép cùng với các đơn vị như Hòa Phát, Việt Hàn, Việt ý... là rất lớn. Do đó, ngày 01 tháng 08 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết số: 02/2014/BCH/NQ-ĐHĐCĐ Bất thường về việc tạm dừng toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép để thực hiện cải tạo nhà máy và nâng cấp công nghệ sản xuất. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án cải tạo, nâng cấp nhà máy cũng như thu xếp nguồn vốn để thực hiện, xây dựng phương án sử dụng tài sản phù hợp với hiện trạng nhằm tạo nguồn thu cho công ty. Do đó, bắt đầu từ năm 2015 Công ty đã tạm dừng hoạt động sản xuất và tập trung phát triển hệ thống phân phối, thương mại các sản phẩm thép.

Trong thời gian qua, Công ty đã chủ động thực hiện công tác xin chủ trương cải tạo nhà máy với cơ quan chức năng đồng thời thu xếp nguồn vốn để thực hiện tái khởi động nhà máy sản xuất thép. Tuy nhiên trong quá trình xin chủ trương vẫn còn nhiều vướng mắc, đặt biệt là sự đồng thuận từ người dân địa phương. Do đó, Công ty chưa thể thực hiện được việc cải tạo nhà máy sản xuất thép theo đúng kế hoạch đề ra.

Xét về thời gian, Công ty cổ phần B.C.H đã thành lập được hơn 16 năm, hoạt động trong ngành sản xuất, thương mại phôi thép và các sản phẩm từ thép. Qua quá trình thành lập và phát triển, Công ty đã gây dựng được đội ngũ cán bộ, công nhân viên gắn bó lâu năm. Ban lãnh đạo Công ty, các thành viên HĐQT đều là những thành viên có năng lực chuyên môn cao và có tầm nhìn chiến lược dài hạn. Với chiến lược tập trung vào con người, Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo phát triển quản trị nguồn nhân lực chiến lược, chăm lo đến việc nâng



cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và công bằng. Đây chính là giá trị cốt lõi giúp Công ty phát triển như ngày hôm nay, giúp Công ty luôn giữ được vị thế, hình ảnh trong mắt khách hàng và đối tác.

Năm 2020, Công ty cổ phần B.C.H đã đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được chấp thuận là Công ty đại chúng vào ngày 04/02/2021.

Ngày 01/06/2021, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 23/2021/GCNCP-VSD của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, số lượng chứng khoán đăng ký là: 19.000.000 cổ phiếu.

1.5. Quá trình tăng vốn từ thời điểm thành lập

Ngày 10/03/2004, Công ty cổ phần B.C.H được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 8 tỷ đồng. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 03 lần tăng vốn (số vốn điều lệ hiện nay là 190 tỷ đồng). Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1: Báo cáo các đợt tăng vốn của Công ty

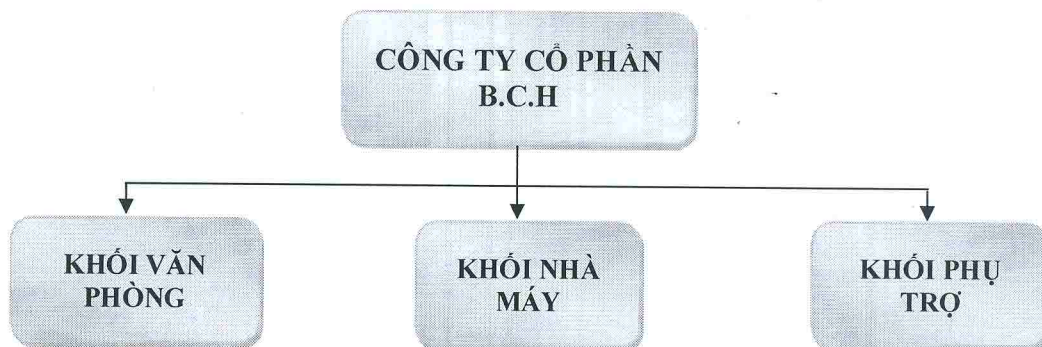
| Lần | Thời gian hoàn thành đợt thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng) | Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng) | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý |
|---------------------|--|---------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---|
| Lần 1 (Năm 2007) | 28/03/2008 | 37 | 45 | Cổ đông hiện hữu | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2007 số: 02/2007/BCH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/08/2007 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ 8 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng. - Nghị quyết HĐQT số: 08/2007/BCH/NQ-HĐQT ngày 22/08/2007 về thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - MSDN 0403000138, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 09 năm 2007 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế |

| | | | | | |
|-----------------------------|------------|----|-----|------------------|---|
| | | | | | hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. |
| Lần 2 (Năm 2008) | 01/12/2008 | 75 | 120 | Cổ đông hiện hữu | <p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2008 số: 01/2008/BCH/NQ-ĐHĐCD ngày 12/04/2008 thông qua phương án phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ 45 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng.</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 03/2008/BCH/NQ-HĐQT ngày 15/04/2008 thông qua thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế CTCP - MSDN 0800286887, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/09/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở KHĐT tỉnh Hải Dương cấp.</p> |
| Lần 3 (Năm 2012) | 03/12/2012 | 70 | 190 | Cổ đông hiện hữu | <p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 số: 01/2012/BCH/NQ-ĐHĐCD ngày 25/01/2012 phương án phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ 120 tỷ đồng lên 190 tỷ đồng.</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 01/2012/BCH/NQ-HĐQT ngày 05/02/2012 thông qua thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 190 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP-MSDN 0800286887 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày</p> |

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|
| | | | | | 27/12/2012 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp |
|--|--|--|--|--|---|

(Nguồn: Công ty cổ phần B.C.H)

2. Cơ cấu tổ chức Công ty



▪ Công ty cổ phần B.C.H

Đăng ký doanh nghiệp số 0800286887 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 10/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05/03/2020

Địa chỉ: Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

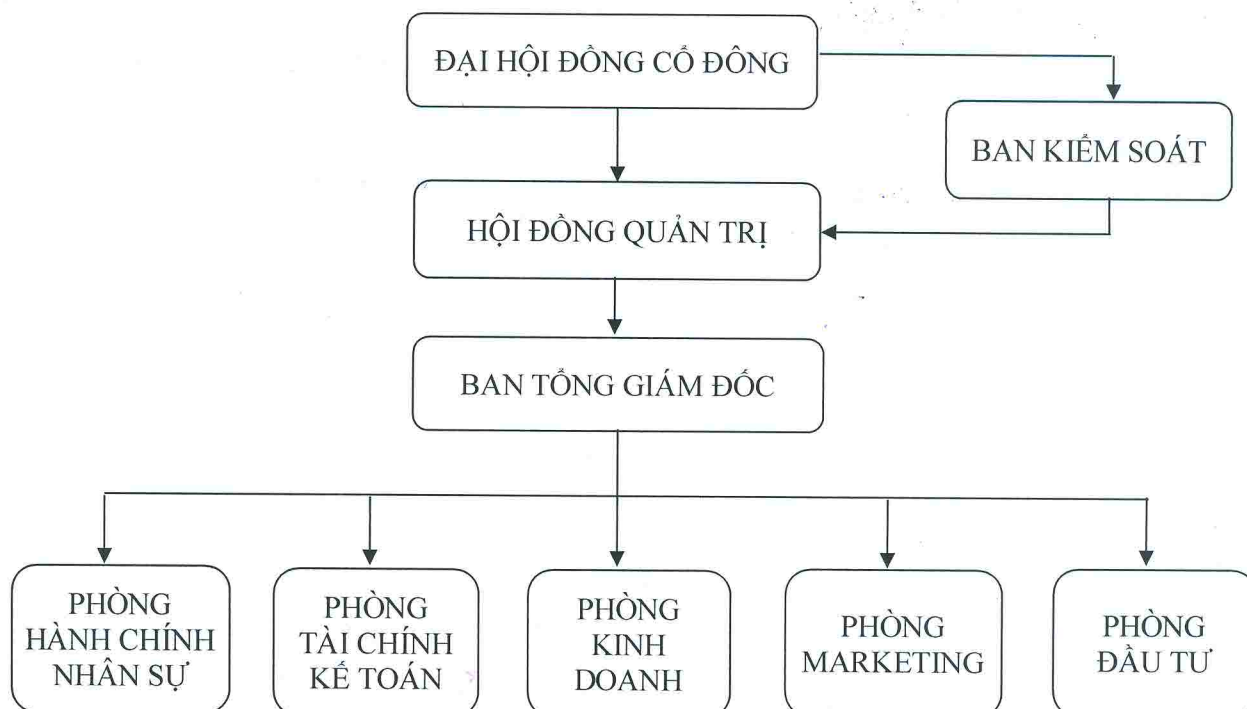
- **Khối văn phòng:** Phụ trách các công việc hành chính nhân sự, tài chính kế toán và công việc phát triển kinh doanh của Công ty
- **Khối nhà máy:** Phụ trách các công việc liên quan đến nhà máy sản xuất của Công ty
- **Khối phụ trợ:** Phụ trách các công việc hỗ trợ cho khối văn phòng và khối nhà máy. Khối phụ trợ có vai trò quan trọng giúp Công ty có thể vận hành chuyên nghiệp và tối ưu, nâng cao năng suất hoạt động của Công ty.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Hiện tại, Công ty cổ phần B.C.H đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.2. Diễn giải sơ đồ

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Quyết định số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

| | |
|-------------------------|-------------------------|
| ○ Ông Nguyễn Duy Luân | Chủ tịch HĐQT |
| ○ Ông Đặng Ngọc Hưng | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Phạm Bá Phú | Thành viên HĐQT |
| ○ Bà Phạm Thị Dung | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Tổng Thắng | Thành viên HĐQT độc lập |

3.2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các Báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ;
- Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:
 - o Ông Trần Ngọc Hân Trưởng ban
 - o Bà Nguyễn Thị Linh Thành viên
 - o Ông Vũ Văn Dương Thành viên

3.2.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;
- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:
 - o Ông Đặng Ngọc Hưng Tổng Giám đốc
 - o Bà Nguyễn Thị Dung Phó Tổng Giám đốc

3.2.5. Các phòng ban khác:

- **Phòng Tài chính - Kế toán**

Là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, BTGD về công tác tài chính kế toán, cụ thể là:

- Theo dõi, phản ánh sự lưu chuyển nguồn vốn kinh doanh của Công ty và tham mưu cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan đảm bảo việc luân chuyển vốn, sử dụng vốn của Công ty hiệu quả nhất;
- Kiểm tra, tính toán phân tích tài chính các hợp đồng, dự án của Công ty;
- Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính kế toán trước Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cơ quan liên quan. Theo dõi phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn của Công ty trình BTGD, HĐQT phê duyệt;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với Công tác tổ chức kinh doanh theo yêu cầu của Công ty;
- Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả kinh doanh của Công ty;
- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ, kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ. Đề xuất xử lý các khoản hao hụt, mất mát, hư hỏng (nếu có);
- Xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Lập, tổng hợp đầy đủ và gửi đúng hạn báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ qui định;
- Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty;
- Nghiên cứu các chế độ chính sách trong lĩnh vực thuế, tài chính, thống kê, luật doanh nghiệp ... của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đưa ra cách thực hiện phù hợp;
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho nội bộ bộ phận cũng như các bộ phận liên quan;
- Quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty; phát hành sổ cổ đông Công ty;
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán của Công ty.

- **Phòng Hành chính - Nhân sự**

Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT/BTGD để quản lý, điều hành Công ty trong lĩnh vực nhân sự. Phòng nhân sự có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT/BTGD xây dựng chiến lược phát triển nhân sự đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mô hình tổ chức bộ máy điều hành của Công ty;
- Xây dựng chính sách nhân sự và chế độ đãi ngộ hợp lý trong nội bộ Công ty. Chủ động đề xuất, trực tiếp xây dựng các quy định, quy chế nội bộ liên quan đến Công tác hành chính và nhân sự của Công ty;
- Đảm bảo nguồn nhân lực cho các phòng/ban thành viên; Điều phối, đánh giá Công việc, giám sát hiệu quả sử dụng nhân lực của các phòng/ban thành viên;
- Tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện kỷ luật lao động, các quy chế quản lý nội bộ. Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với CBCNV;
- Chịu trách nhiệm truyền thông nội bộ các vấn đề liên quan đến nhân sự để phát triển văn hóa doanh nghiệp;
- Hỗ trợ các bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự, Công tác đào tạo nhân viên, cách thức tuyển dụng nhân sự... ;

- **Phòng Kinh doanh**

Đây là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty, giúp việc cho HĐQT/BTGD ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh, nhiệm vụ cụ thể:

- Đảm bảo đầu vào và đầu ra của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng;
- Theo dõi, đơn đốc tiến độ thực hiện của các phòng ban/đơn vị, đảm bảo giao hàng đúng thời hạn theo đơn hàng đã cam kết với khách hàng và kịp thời đề xuất những phương án kinh doanh hiệu quả nhất;
- Quản lý đội xe và chịu trách nhiệm vận chuyển sản phẩm cho khách hàng;
- Lập và phân bổ kế hoạch kinh doanh hàng năm cho Công ty, hàng quý và hàng tháng cho các đơn vị;

- **Phòng Marketing**

Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT/BTGD ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực Marketing, chuẩn bị kế hoạch Marketing, xây dựng thương hiệu và kết nối các kênh truyền thông khác nhau bao gồm trang web, các phương tiện truyền thông digital, các

kênh truyền thông truyền thống và các kênh khác... Phòng marketing thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Định vị, xây dựng duy trì, phát triển các hoạt động Marketing, quảng bá thương hiệu, quản lý nhất quán thông điệp của Công ty trong các chiến dịch marketing, quảng cáo, truyền thông... trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động quan hệ công chúng, đối ngoại và đối nội.
- Thực hiện thiết kế, quản lý hình ảnh của Công ty, của các sản phẩm dịch vụ, các hình thức thể hiện logo thương hiệu thống nhất tại các trụ sở địa điểm làm việc và kinh doanh của Công ty.
- Triển khai thực hiện các kế hoạch, hoạt động quảng cáo, tiếp thị cho các mảng dịch vụ của phòng kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch, quản lý chi phí hoạt động marketing theo từng thời kỳ, phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp, hỗ trợ các phòng ban khác trong Công ty để thực hiện các công việc liên quan đến chiến dịch marketing. Phối hợp với các bộ phận khác để đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng cũng như đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật và của Công ty.

- **Phòng Đầu tư**

Là phòng có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Tham mưu công tác chiến lược đầu tư tài chính, đầu tư kinh doanh chứng khoán; đảm bảo bảo toàn, ổn định và phát triển vốn; phát huy cao nhất hiệu quả nguồn vốn và tài sản hiện có của Công ty.
- Tham mưu trong việc quản lý vốn Công ty đã đầu tư, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, chủ động nắm cơ hội mới có khả năng sinh lời và các hoạt động đầu tư có tính ổn định, an toàn cao.
- Trực tiếp quản lý vốn đầu tư của Công ty.
- Tham mưu và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, đưa ra các đề xuất đầu tư phù hợp với tình hình thực tế để đạt được hiệu quả kinh doanh tốt nhất.
- Thực hiện các công việc do lãnh đạo Công ty giao phó.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 22/05/2021

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 22/05/2021

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (VND) | Tỷ trọng (%) |
|-----------|---|---------------------|----------------------|------------------------|-----------------|
| I | Cổ đông trong nước, nước ngoài | | | | |
| 1 | Cổ đông trong nước | 113 | 19.000.000 | 190.000.000.000 | 100 |
| 1.1 | Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1.2 | Tổ chức | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1.3 | Cá nhân (*) | 113 | 19.000.000 | 190.000.000.000 | 100 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2.1 | Tổ chức | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2.2 | Cá nhân | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 113 | 19.000.000 | 190.000.000.000 | 100 |
| II | Cổ đông lớn, cổ đông khác | | | | |
| 1 | Cổ đông lớn | 06 | 7.049.000 | 70.490.000 | 37,1 |
| 2 | Cổ đông khác | 107 | 11.951.000 | 119.510.000 | 62,9 |
| | Tổng cộng | 113 | 19.000.000 | 190.000.000.000 | 100 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần B.C.H tại ngày 22/05/2021)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

**Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5%
vốn cổ phần của Công ty tại ngày 22/05/2021**

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND / ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------|---------|-------------------|--------------------------|--------------|
|-----|---------|---------|-------------------|--------------------------|--------------|

| | | | | | |
|------------------|------------------|---|--------------|------------------|-------------|
| 1 | Nguyễn Duy Luân | Tổ 21, Phường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên | 090700426 | 1.668.000 | 8,78 |
| 2 | Lê Thu Phương | TT. Phú Thái - Kim Thành Hải Dương | 019183000706 | 1.343.000 | 7,07 |
| 3 | Đặng Ngọc Hưng | SN 214, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Bắc Ninh | 125202383 | 1.126.000 | 5,93 |
| 4 | Trần Nguyên Hưng | Số nhà 53, Tổ 11, P. Gia Sàng, TP Thái Nguyên | 091878805 | 968.000 | 5,09 |
| 5 | Phạm Bá Phú | Tổ 14, P. Gia Sàng, TP Thái Nguyên | 091627548 | 976.000 | 5,14 |
| 6 | Trần Văn Hiếu | Tổ 15, phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 090913440 | 968.000 | 5,09 |
| Tổng cộng | | | | 7.049.000 | 37,1 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần B.C.H tại ngày 22/05/2021)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập tính đến thời điểm ngày 22/05/2021

Công ty cổ phần B.C.H được thành lập vào ngày 10/03/2004 với các cổ đông sáng lập như sau:

Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm ngày 22/05/2021

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND / ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------------|--|----------------|--------------------|-----------|
| 1 | Nguyễn Thành Văn | Số 59 Lạch Tray, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng | 031242895 | 0 | 0 |
| 2 | Nguyễn Thị Kiều Dung | Số 176A, Quang Trung, Phạm Hồng Thái, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng | 030762968 | 0 | 0 |
| 3 | Nguyễn Ngọc Hiếu | Số 38 Hồ Xuân Hương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng | 030933999 | 0 | 0 |
| 4 | Nguyễn Thành Long | Số 1B, lô 7, đường An Dương, phường An Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng | 030891052 | 0 | 0 |
| 5 | Lê Văn Cường | Số 23, ngõ 244, đường Đà Nẵng, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng | 030098234 | 0 | 0 |

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND / ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|------------------|--------------|---|----------------|--------------------|-----------|
| 6 | Bùi Xuân Lộc | Thôn Hạ Lũng, xã Đăng Hải, huyện An Hải, TP Hải Phòng | 030704524 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | | | 0 | 0 |

(Nguồn: Công ty cổ phần B.C.H)

Theo quy định khoản 3, Điều 119, Luật Doanh Nghiệp 2020 tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức ĐKGD, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD

Không có.

5.2. Công ty con, công ty mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.3. Danh sách Công ty liên kết

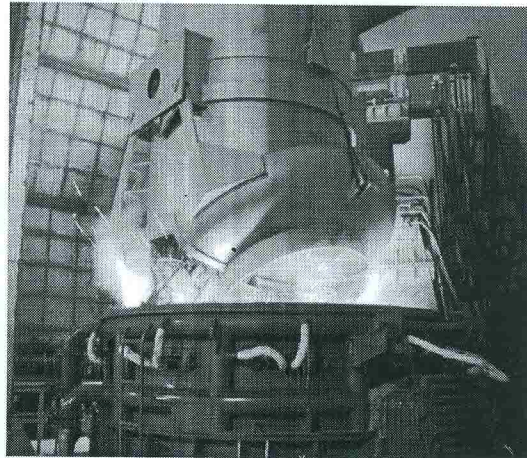
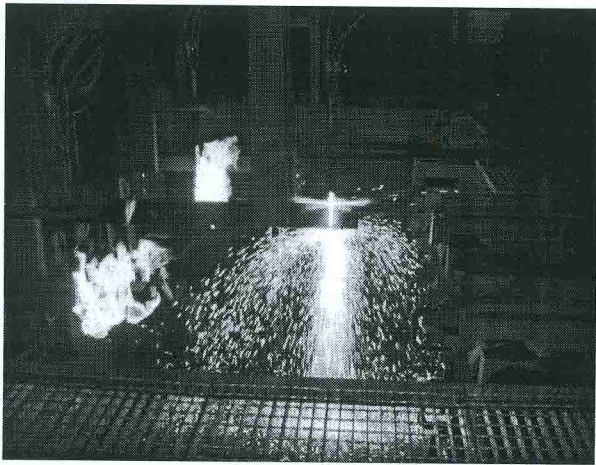
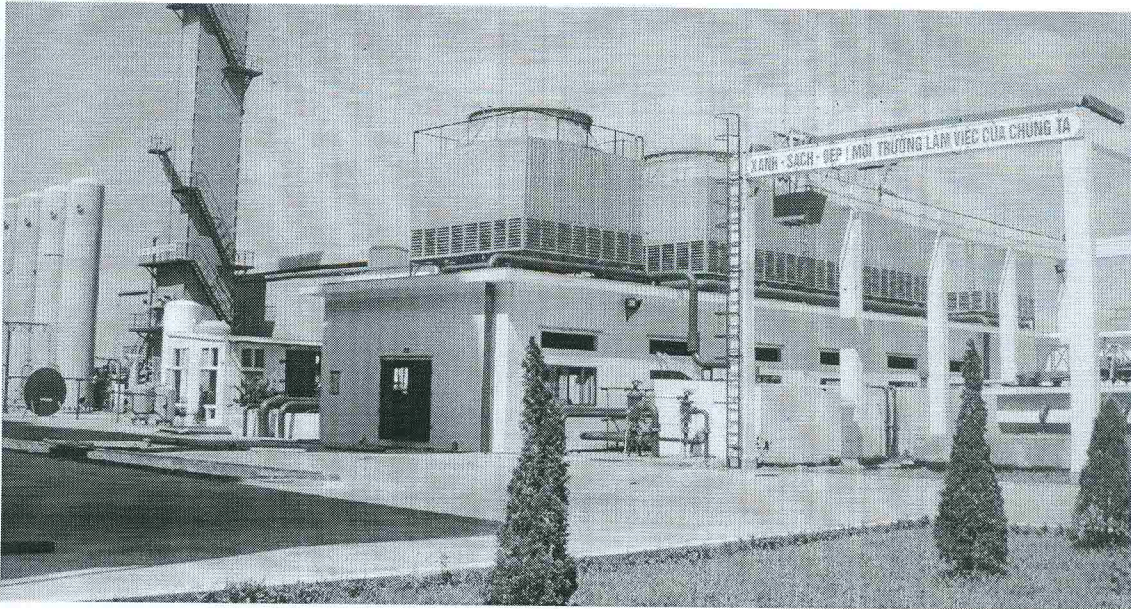
Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm chính của Công ty

Được thành lập từ năm 2004, hiện tại Công ty cổ phần B.C.H chủ yếu hoạt động trong những lĩnh vực sau:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu phôi thép và các sản phẩm về thép;
- Sản xuất, mua bán, gia công kim loại, các sản phẩm từ kim loại;
- Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, quặng mangan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực);
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ cân thuê hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;



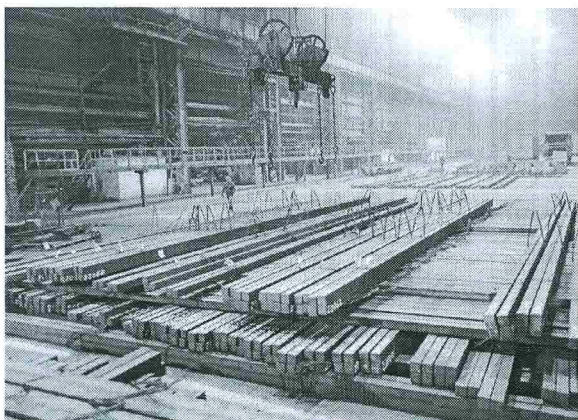
Hình ảnh tại nhà máy sản xuất phôi thép của CTCP B.C.H

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã và đang từng bước khẳng định thương hiệu và uy tín của mình trong ngành phân phối phôi thép và các sản phẩm về thép. Là một doanh nghiệp hoạt động lâu đời trong ngành, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh thép, Công ty đã xây dựng được một hệ thống các đối tác, khách hàng tin tưởng và đồng hành lâu dài.

Tuy nhiên ngày 01 tháng 8 năm 2014, Công ty thực hiện Đại hội đồng cổ đông bất thường về việc tạm dừng toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2014/BCH/NQ-ĐHĐCĐ. Do công nghệ sản xuất đã lỗi thời nên không đảm bảo được tính cạnh tranh cũng như vấn đề ô nhiễm môi trường, Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc tạm dừng toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép và xây dựng kế hoạch cải tạo nhà máy, nâng cấp công nghệ sản xuất bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2015. Vì vậy, hoạt động kinh

doanh chủ yếu hiện tại của Công ty là tập trung vào lĩnh vực phân phối và thương mại các sản phẩm về thép.

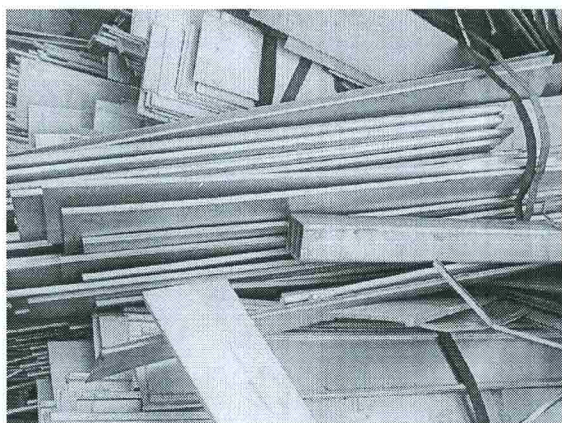
Ngoài các sản phẩm về thép, Công ty còn kinh doanh thương mại các sản phẩm về than. Trong quá trình sản xuất thép, than đốt lò là một trong những nguyên liệu tiêu thụ sản lượng lớn không thể thiếu. Tận dụng những nguồn lực sẵn có, Công ty thực hiện phân phối than cho các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng than thường xuyên, đem lại thêm nguồn doanh thu cho Công ty trong thời gian qua.



Phôi thép



Thép xây dựng



Phế liệu kim loại



Than

Hình ảnh một số sản phẩm chính của Công ty cổ phần B.C.H

Sau khi tạm dừng sản xuất nhà máy sản xuất thép, Công ty đã tập trung vào việc đẩy mạnh hoạt động thương mại các sản phẩm về thép như thép phế liệu, phôi thép... hướng tới trở thành vừa là nhà cung cấp nguyên vật liệu sản xuất đầu vào, vừa là nhà phân phối thép thành phẩm cho các công ty sản xuất thép trong nước. Với lợi thế là một công ty có bề dày kinh nghiệm về thương mại thép, Công ty luôn duy trì một danh sách các khách hàng lớn và lâu năm như : Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên; Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng; Công ty CP thép Việt ý; Công ty TNHH Chung Lý... Đồng thời, Công ty cũng đảm bảo nguồn cung ứng hàng hóa đầu vào

từ các nhà cung cấp uy tín về chất lượng sản phẩm như: Công ty cổ phần Thương mại Thái Hưng, Công ty cổ phần Thương mại Hà Chung, Công ty TNHH Thương mại Dương Tiến... Từ đó đã giúp Công ty từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì được doanh thu, lợi nhuận trong thời gian qua.

Bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động thương mại, Ban lãnh đạo Công ty vẫn tiếp tục tìm kiếm các phương án cũng như thu xếp nguồn vốn để tái khởi động lại nhà máy sản xuất thép. Hiện tại Công ty đang đàm phán với đối tác chiến lược về việc phát hành trái phiếu để thực hiện cải tạo nhà máy cũng như tiếp tục hoàn thiện các thủ tục cần thiết để xin cấp phép xây dựng lại nhà máy từ cơ quan chức năng.

6.2. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp

Với thế mạnh kinh doanh lâu đời trong ngành sản xuất và thương mại thép, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | | 30/06/2021 | |
|-----|--|--------------------------|--------------|--------------------------|--------------|--------------------------|--------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng | 2.084.017.918.132 | 99,41 | 1.832.934.189.331 | 98,2 | 1.089.557.293.850 | 98,56 |
| 2 | Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 12.283.419.155 | 0,59 | 33.609.450.938 | 1,8 | 15.864.475.591 | 1,44 |
| | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.096.301.337.287 | 100 | 1.866.543.640.269 | 100 | 1.105.421.769.441 | 100 |

(Nguồn: BCTC 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của Công ty cổ phần B.C.H)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2019 đạt hơn 2.096 tỷ đồng; năm 2020 doanh thu đạt hơn 1.866 tỷ đồng, giảm 230 tỷ đồng so với năm 2019. Việc doanh thu của Công ty giảm nhẹ trong năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 đến tình hình kinh tế chung và Hải Dương là một trong số các tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh. Doanh thu cung cấp dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ cho thuê tài sản) của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty 6 tháng năm 2021 đạt hơn 1.105,4 tỷ đồng, trong đó doanh thu thuần bán hàng đạt 1.089,5 tỷ đồng, doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ đạt 15,86 tỷ đồng.

Bảng 6: Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | | 30/06/2021 | |
|-----|--|-----------------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/DTT (%) |
| 1 | Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa | 25.579.551.692 | 1,22 | 7.273.597.567 | 0,39 | 11.806.937.811 | 1,07 |
| 2 | Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ | -10.851.677.596 | -0,52 | -3.153.396.928 | -0,17 | -4.622.347.011 | -0,42 |
| | Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ | 14.727.874.096 | 0,7 | 4.120.200.639 | 0,22 | 7.184.590.800 | 0,65 |

(Nguồn: BCTC năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của Công ty cổ phần B.C.H)

Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2020 đạt 4,12 tỷ đồng giảm hơn 10 tỷ đồng so với năm 2019. Năm 2020, doanh thu bán hàng của Công ty giảm nhẹ so với năm 2019. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 và sự biến động bất ổn giá thép năm 2020 dẫn đến giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu nên lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa năm 2020 giảm đáng kể so với năm 2019.

Doanh thu dịch vụ của Công ty chủ yếu từ hoạt động cho thuê dây chuyền sản xuất phôi thép (dây chuyền nhà máy thép đã tạm dừng hoạt động, Công ty quyết định cho thuê lại để tăng thêm nguồn thu) và một phần từ doanh thu cho thuê phương tiện vận chuyển hàng hóa. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ bị lỗ là do dây chuyền sản xuất phôi thép của Công ty có giá trị khấu hao hàng năm lớn, nhưng giá thuê thấp không đủ bù đắp chi phí khấu hao (giá thuê căn cứ vào giá trị định giá tài sản thế chấp với tỷ lệ thỏa thuận không quá 3,5% giá trị định giá mỗi năm được ngân hàng chấp thuận). Do đó lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ năm 2019 lỗ hơn 10,8 tỷ đồng, năm 2020 lỗ hơn 3 tỷ đồng.

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tính đến 30/06/2021 đạt 7,18 tỷ đồng, tỷ lệ Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa trên Doanh thu thuần tăng mạnh so với năm 2020 do trong kỳ hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty hưởng lợi nhiều từ việc giá thép tăng mạnh trên thị trường.

6.3. Nguồn cung cấp đầu vào

Công ty cổ phần B.C.H hoạt động chính trong ngành thương mại phôi thép và các sản phẩm thép, đầu vào chính của Công ty là: phôi thép, phế liệu, thép xây dựng và than, quặng...

Sự ổn định của nguồn cung cấp:

Đối với các sản phẩm đầu vào, Công ty đã ký hợp đồng mua trực tiếp từ các đơn vị sản xuất hoặc thương mại, là các nhà cung cấp truyền thống có uy tín và đã hợp tác với Công ty lâu đời, do vậy không những đảm bảo về chất lượng mà còn cạnh tranh về giá cả. Mặc dù có sự biến động chung của thị trường trong nước nhưng trong thời gian qua, Công ty đã tính toán dự trữ hàng tồn kho hợp lý, do đó vẫn duy trì được nguồn nguyên liệu với mức biến động giá nằm trong ngưỡng cho phép.

Bảng 7: Danh sách một số nhà cung cấp vật tư, thiết bị và nguyên vật liệu đầu vào giai đoạn 2019-2020

| STT | Tên nhà cung cấp | Địa chỉ | Sản phẩm cung cấp |
|-----|--|---|-----------------------------|
| 1 | Công ty cổ phần Thương mại Thái Hưng | Tổ 14 - P.Gia Sàng - TP.Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên | Phôi, phế liệu, thép XD ... |
| 2 | Công ty cổ phần Thương mại & khai thác Khoáng sản Dương Hiếu | Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trưng Thành, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên | Phôi thép |
| 3 | CN Công ty CP thép Việt ý tại Hải Phòng | KCN Đông Nam Cầu Kiền, X.Hoàng Động, H.Thủy Nguyên - Hải Phòng | Phôi thép |
| 4 | Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên | Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên | Thép xây dựng |
| 5 | Công ty TNHH Thương mại Dương Tiến | Thôn Thành Công + Thôn Quyết Tiến, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Phôi thép |
| 6 | Công ty cổ phần Matexim Hải Phòng | Phường Lạc Viên - Q.Ngô Quyền - TP Hải Phòng | Phôi thép |
| 7 | Công ty CP Cơ Khí Vĩnh Phúc | Khu HC Số 8, P.Đông Đa, TP Vĩnh Yên, T Vĩnh Phúc | Phôi thép |
| 8 | Công ty TNHH Vũ Hải | Số 30, tổ 48 Khu 5, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng | Thép phế liệu |
| 9 | Công ty TNHH thương mại Bảo Minh | Tổ 13 - phường Trưng Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Phôi thép |

(Nguồn: Công ty cổ phần B.C.H)

6.4. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 8: Cơ cấu chi phí của Công ty

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | | 30/06/2021 | |
|-----|---------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/ DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/ DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ/ DTT (%) |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 2.081.573.463.191 | 99,29 | 1.862.423.439.630 | 99,78 | 1.098.237.178.641 | 99,35 |
| 2 | Chi phí bán hàng | 1.343.341.950 | 0,06 | 2.744.928.973 | 0,14 | 1.292.848.143 | 0,12 |
| 3 | Chi phí quản lý DN | 3.304.857.080 | 0,16 | 4.645.153.008 | 0,25 | 1.667.091.376 | 0,15 |
| 4 | Chi phí tài chính | -7.000.228.642 | -0,33 | 5.695.865.741 | 0,31 | 3.421.155.834 | 0,31 |
| | Tổng chi phí | 2.079.188.853.631 | 99,18 | 1.875.509.387.352 | 100,48 | 1.104.618.273.994 | 99,92 |

(Nguồn: BCTC năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của Công ty cổ phần B.C.H)

Hiện tại hoạt động chính của Công ty là hoạt động thương mại, do đó đặc thù giá vốn trên doanh thu thuần luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty duy trì ở mức dưới 0,5% trên doanh thu thuần mỗi năm. Năm 2019 Công ty thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh hơn 26 tỷ đồng đối với cổ phiếu TIS, do đó chi phí tài chính năm 2019 của Công ty thể hiện giá trị âm 7 tỷ đồng. Do đó tổng chi phí năm 2019 nhỏ hơn doanh thu thuần (tỷ lệ tổng chi phí bằng 99,18% doanh thu thuần).

Năm 2020, do biến động giá thép và ảnh hưởng của dịch bệnh đã khiến các chi phí bán hàng, quản lý và chi phí tài chính đều tăng, từ đó đẩy tổng chi phí cao hơn Doanh thu thuần (tỷ lệ tổng chi phí bằng 100,48 % Doanh thu thuần). Tuy nhiên trong năm 2020, Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tài chính đối với cổ phiếu TIS, giúp Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận đầu tư tài chính hơn 9 tỷ đồng, từ đó giúp kết quả hoạt động kinh doanh cả năm 2020 của Công ty đạt được lợi nhuận trước thuế hơn 2,5 tỷ đồng.

Trong 06 tháng đầu năm 2021, nhờ giá thép tăng mạnh, nên chi phí giá vốn hàng bán giảm mạnh xuống mức 99,92% doanh thu thuần. Các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trong 06 tháng đầu năm 2021 có tỷ trọng trên doanh thu thuần biến động không đáng kể. Nhìn chung cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh đã phản ánh đúng đặc điểm hoạt động thương mại của Công ty cũng như phản ánh tình hình hoạt động của ngành thép nói chung.

6.5. Trình độ Công nghệ

Trong giai đoạn 2008-2014, Công ty sử dụng công nghệ sản xuất thép lò điện cao tầng do Trung Quốc chế tạo với nguyên liệu chính cho lò là thép phế liệu. Quy trình sản xuất thép tại B.C.H như sau:

- **Giai đoạn 1: Xử lý phế liệu thép.** Thép được sản xuất từ phế liệu, phế liệu sẽ được kết hợp với các nguyên liệu phụ gia khác để đưa vào lò nung. Khi nung nóng tới một nhiệt độ nhất định, hỗn hợp này sẽ trở thành dòng kim loại nóng chảy.
- **Giai đoạn 2: Tạo dòng nóng chảy.** Dòng kim loại nóng chảy được hình thành từ giai đoạn xử lý bên trên sẽ được dẫn tới lò xử lý tạp chất. Đây chính là giai đoạn quan trọng và là cơ sở để quyết định chất lượng thép.
- **Giai đoạn 3: Giai đoạn đúc phôi.** Trong bước này, thép nóng chảy được đúc theo khuôn và làm nguội để tạo thành phôi thép.

Với công nghệ trên, việc sản xuất phôi thép sẽ rất tốn điện năng và không đảm bảo được khí thải môi trường. Vì vậy, sản phẩm phôi thép của Công ty sản xuất có giá thành cao, không đảm bảo khả năng cạnh tranh. Do đó, Công ty đã tạm dừng dây chuyền sản xuất để thực hiện cải tạo nhà máy và nâng cấp công nghệ sản xuất. Hiện tại, Công ty dự kiến sẽ nâng cấp công nghệ sản xuất thép sang công nghệ Lò chuyển (Basic Oxygen Furnace – BOF) được chế tạo từ Đức sau khi tìm được đối tác cùng thực hiện dự án: “*Cải tạo nhà máy và nâng cấp công nghệ sản xuất phôi thép của Công ty cổ phần B.C.H*”.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ngoài hoạt động kinh doanh thương mại các sản phẩm từ thép và than là các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty. Công ty đang nghiên cứu và dự kiến sẽ kinh doanh thêm các mặt hàng mới về vật liệu xây dựng để tận dụng tối đa những nguồn lực của Công ty.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Để đảm bảo việc kinh doanh và mục tiêu phát triển bền vững, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu, thông qua việc thực hiện các quy trình kiểm tra:

- Giám sát kỹ lưỡng khâu nhập hàng từ các nguồn cung cấp đầu vào: Công ty tổ chức các đội kiểm nghiệm sản phẩm khác nhau đối chiếu hàng hóa nhập kho đúng với mẫu mã, thông số kỹ thuật so với hợp đồng giữa Công ty và nhà cung cấp sản phẩm.

- Lên kế hoạch và thực hiện các biện pháp bảo quản hàng tồn kho để tránh hư hỏng, giảm chất lượng sản phẩm đầu ra.



6.8. Hoạt động Marketing

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại phân phối cho các đối tác doanh nghiệp khách hàng lớn. Do đó phương thức marketing tốt nhất của Công ty chính là ở sự khẳng định và cam kết về chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ giao hàng. Ngoài ra, Công ty cũng rất chú trọng đến các hoạt động như:

- Tổ chức điều tra, nắm bắt thị trường tiêu thụ chung, luôn theo sát nhu cầu của khách hàng để có kế hoạch hàng tồn kho hợp lý.
- Quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty đến các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng website Công ty nhằm thu hút, tìm kiếm bạn hàng và nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu của Công ty ...
- Thực hiện thiết kế, quản lý hình ảnh của Công ty, của các sản phẩm dịch vụ, các hình thức thể hiện logo thương hiệu thống nhất tại các trụ sở địa điểm làm việc và kinh doanh của Công ty.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần B.C.H:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại. Hiện tại Công ty chưa tiến hành đăng ký bản quyền nhãn hiệu thương mại, tuy nhiên trong thời gian sắp tới Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để đăng ký nhãn hiệu nhằm xây dựng thương hiệu Công ty ngày một chuyên nghiệp.

7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

ĐTV giá trị: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % Tăng/giảm 2020/2019 | 6 tháng năm 2021 |
|--------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|---------------------|
| Tổng tài sản | 734.091.956.689 | 664.419.375.696 | -9,49 | 680.799.136.313 |

| | | | | |
|--|-------------------|-------------------|---------|-------------------|
| Vốn chủ sở hữu | 208.077.597.866 | 209.911.097.134 | 0,88 | 212.080.694.491 |
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh | 2.096.301.337.287 | 1.866.543.640.269 | -10,96 | 1.105.421.769.441 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 34.361.688.178 | 2.353.569.692 | -93,15 | 2.537.274.741 |
| Lợi nhuận khác | 2.574.129.236 | 163.241.611 | -93,66 | 175.794.340 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 36.935.817.414 | 2.516.811.303 | -93,186 | 2.713.069.081 |
| Lợi nhuận sau thuế | 33.998.705.230 | 1.919.647.996 | -94,35 | 2.169.597.357 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (%) | 17,79 | 0,915 | - | 1,03 |
| Tỷ lệ trả cổ tức (%) | 0% | 0% | - | 0% |
| Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu) | 11.048 | 10.951 | -0,88 | 11.162 |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2020 giảm hơn 69 tỷ đồng so với năm 2019, do năm 2020 Công ty đã thực hiện bán số cổ phiếu TIS mà Công ty đang đầu tư để bổ sung dòng tiền lưu động và thanh toán bớt các khoản phải trả người bán.

Về kết quả của hoạt động kinh doanh: Trong năm 2020 Công ty vẫn duy trì hoạt động phân phối cho các đối tác hiện tại. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 đến các hoạt động kinh doanh của Công ty do đó Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 giảm hơn 10% so với năm 2019.

Các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty năm 2020 cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019 do những khó khăn vì ảnh hưởng của dịch bệnh. Mặt khác, năm 2019 Công ty ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư, dẫn đến Lợi nhuận sau thuế của năm 2019 tăng đột biến so với các năm. Cụ thể: Năm 2019 Công ty hoàn nhập 26,128 tỷ đồng chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, khiến chi phí tài chính tại ngày 31/12/2019 chỉ còn âm 7 tỷ đồng. Từ đó giúp lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 đạt 34,361 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 36,395 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 33,998 tỷ đồng.

Năm 2020: mặc dù Công ty đã hoàn nhập 4,042 tỷ đồng chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh nhưng chi phí lãi vay phát sinh trong năm hơn 9,396 tỷ đồng, đã khiến chi phí tài chính tại ngày 31/12/2020 đạt: 5,695 tỷ đồng. Tuy nhiên do doanh thu năm 2020 giảm 10,96% so với năm 2019, do đó khiến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 đạt 2,353 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2,516 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,919 tỷ đồng, giảm 94,35% so với năm 2019.

Tính đến 30/6/2021, Công ty đã đạt doanh thu hơn 1.105,4 tỷ đồng và ghi nhận mức Lợi nhuận sau thuế hơn 2,1 tỷ đồng; đây là kết quả rất tích cực so với năm 2020 khi mà ngành thép được hưởng lợi nhiều từ việc giá thép tăng mạnh trong thời gian qua.

Vấn đề cần nhấn mạnh tại BCTC kiểm toán 2020:

+ Công ty tạm dừng toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2014/BCH-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 8 năm 2014. Toàn bộ dây chuyền sản xuất này Công ty Cổ phần B.C.H cho Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng thuê để làm tài sản đảm bảo tại ngân hàng với giá cho thuê thỏa thuận tối đa bằng 3,5% giá trị tài sản định giá mỗi năm được ngân hàng chấp thuận.

Tuy nhiên từ lúc tạm dừng dây chuyền sản xuất phôi thép, Công ty đã từng bước đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh thương mại phôi thép giúp cho Công ty vẫn đứng vững trên thị trường với doanh thu năm 2020 đạt 1.866.543.640.269 VND. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương cho vay trong năm 2020. Do vậy, vốn hoạt động của công ty luôn duy trì ở mức độ ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có bất kỳ dự định nào cho việc ngừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2020 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến của Công ty về vấn đề cần nhấn mạnh: Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy vấn đề cần nhấn mạnh tại BCTC kiểm toán năm 2020 là cần thiết nhằm cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ tới các cổ đông và nhà đầu tư về tình hình tài chính và hiện trạng tài sản của Công ty, đảm bảo công khai minh bạch thông tin doanh nghiệp theo các quy định của công ty đại chúng.

Mặc dù ảnh hưởng nặng nề từ tác động của dịch covid-19, nhưng với việc đẩy mạnh hoạt động thương mại và biến động thuận lợi từ thị trường thép trong nước đã giúp Công ty tiếp tục duy trì được doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020. Với những kết quả tích cực trên, Ban lãnh đạo Công ty cam kết và tiếp tục tin tưởng vào sự hoạt động liên tục, ổn định của Công ty trong thời gian tới.

7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Là một doanh nghiệp kinh doanh lâu năm trong ngành, Công ty đã gây dựng được hệ thống khách hàng lớn và uy tín gắn bó đồng hành cùng Công ty.

- Hiện nay thị trường xây dựng bất động sản và hạ tầng đang phát triển khả quan, ngành thép từ đó cũng được hưởng lợi theo, do đó hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có sự tăng trưởng tích cực.

- Đội ngũ nhân viên lâu năm và giàu kinh nghiệm, ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm quản lý các doanh nghiệp lớn khác trong ngành giúp Công ty có thể vượt qua các giai đoạn khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Uy tín và thương hiệu: là một doanh nghiệp kinh doanh về thép lâu năm, Công ty đã tạo dựng cho mình được sự uy tín tốt trong ngành nói chung và trong địa bàn nói riêng.

7.2.2. Những nhân tố khó khăn

Nền công nghệ hiện đại ngày càng phát triển cho ra những cải tiến công nghệ trong ngành thép và xây dựng, do đó rủi ro về mặt công nghệ cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh mỗi Công ty. Với sự mở cửa nền kinh tế, những doanh nghiệp nước ngoài lâu đời, tiềm lực kinh tế mạnh tham gia vào thị trường Việt Nam (có thể kể đến như Nhà máy Gang Thép Formosa Hà Tĩnh) sẽ tạo ra sự cạnh tranh lớn đối với các Công ty ngành thép trong nước nói chung cũng như B.C.H nói riêng.

Hiện nay với diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế toàn cầu, đây là một trong những khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp nói chung cũng như Công ty cổ phần B.C.H nói riêng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần B.C.H có thời gian hoạt động hơn 16 năm trong ngành, với kinh nghiệm và bề dày hoạt động trên khu vực Miền Bắc và uy tín của mình, các sản phẩm phôi thép và thép được các khách hàng lựa chọn tin dùng nhiều năm nay. Mặc dù quy mô Công ty trong ngành thép chỉ ở mức trung bình nhưng Công ty đã tạo dựng được mạng lưới đối tác, khách hàng thường xuyên trong khu vực. Công ty đã ký kết những hợp đồng mua bán dài hạn với các đối tác lớn như CTCP Gang thép Thái Nguyên, CTCP Thương mại Thái Hưng, Công ty TNHH Tân Phát Vượng... với tổng giá trị các hợp đồng lên đến nghìn tỷ đồng.

Nguồn vốn của Công ty so với các doanh nghiệp trong ngành còn eo hẹp, dẫn đến chưa đủ nguồn vốn để thực hiện việc cải tạo nâng cấp nhà máy để hoạt động sản xuất phôi thép trở lại. Công ty dự kiến sẽ phát hành tăng vốn trong thời gian sắp tới để có đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tốc độ và tiềm năng tăng trưởng tốt: Theo nhận định từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), năm 2021, ngành thép Việt Nam được kỳ vọng sẽ có thêm nhiều điều kiện, cơ hội để thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu ra các thị trường mới, tiếp tục bứt phá hơn nhờ hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công cũng như thị trường bất động sản nhà ở có thể nóng trở lại. Các chuyên gia cũng dự báo nhu cầu thép trong năm 2021 sẽ tăng từ 3% đến 5% so với năm 2020. Khi đó, vật liệu xây dựng nói chung, thép nói riêng sẽ là ngành được hưởng lợi lớn nhất. Theo số liệu của Hiệp hội nhà thầu xây dựng Việt Nam (VACC), giá thép hiện nay đang được ghi nhận ở mức tăng rất mạnh từ 30 – 40% so với giá thép tại quý IV/2020 tùy theo mặt hàng. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển rất lớn của ngành trong thời gian tới.

Xu hướng hội nhập quốc tế: Việt Nam với xu hướng hội nhập, tham gia các hiệp định thương mại tự do mà mới đây năm 2020 Việt Nam đã thành công ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên Minh Châu Âu (EVFTA) sẽ tạo điều kiện cho ngành thép có thể hưởng lợi để mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thị trường khác được ưu đãi thuế quan.

Thuận lợi từ việc tăng trưởng kinh tế: Nền kinh tế của Việt Nam có sự tăng trưởng đều đặn, thể hiện ở việc tăng trưởng GDP duy trì trong mức 6,5 – 7% qua các năm. Năm 2020, dù dưới áp lực khó khăn kinh tế do ảnh hưởng của dịch bệnh, Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 2,9% - là mức tăng trưởng tích cực trong khu vực cũng như trên toàn thế giới. Nền kinh tế tăng trưởng tốt kéo theo sự phát triển của hệ thống hạ tầng và bất động sản. Điều này giúp cho nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm liên quan thép xây dựng sẽ cao hơn, là điều kiện thuận lợi với hoạt động kinh doanh của Công ty.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

8.3.1. Định hướng phát triển của Công ty

- Về quản trị doanh nghiệp:
 - Xây dựng Công ty cổ phần B.C.H trở thành doanh nghiệp có cơ cấu quản trị điều hành, môi trường làm việc chuyên nghiệp.
 - Đào tạo phát triển quản trị nguồn nhân lực chiến lược; nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển tài năng của người lao động, có chế độ đãi ngộ xứng đáng cả về vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên.



- Về công tác quản lý tài chính:
 - Công tác quản lý tài chính gắn chặt với hoạt động bán hàng và thu hồi công nợ nên cần tiếp tục sàng lọc, lựa chọn khách hàng, đảm bảo an toàn và tăng vòng quay của đồng vốn;
 - Quản lý hệ thống kế toán kịp thời, minh bạch. Các sổ sách, chứng từ được phòng tài chính – kế toán lưu trữ và bảo quản cẩn thận.
 - Quản trị tốt nhất hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ đầu vào, phù hợp với sự biến động của thị trường đầu ra, dự trữ hàng hóa, nguyên vật liệu ở mức độ hợp lý, tránh để tồn kho ứ đọng làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.
- Về công tác thị trường, hoạt động Marketing:
 - Đặc biệt quan tâm và làm tốt công tác điều tra, nắm bắt thị trường; Tổ chức mạng lưới bám sát và nắm bắt thị trường để có các quyết sách tối ưu trong định hướng kinh doanh;
 - Theo sát khách hàng, hợp tác giải quyết triệt để những vấn đề vướng mắc phát sinh sau bán hàng; biến chất lượng dịch vụ trước, trong và sau bán hàng trở thành hoạt động Marketing thiết thực và sâu sắc nhất;
 - Đảm bảo cung cấp những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất, cách thức phục vụ chuyên nghiệp nhất nhằm thỏa mãn và làm hài lòng cho các khách hàng, luôn đồng hành và phát triển cùng với khách hàng.
- Về công tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm:
 - Giám sát chặt chẽ quy trình nhập đầu vào hàng hóa; Tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát, quản lý chất lượng sản phẩm;
 - Coi công tác tiêu thụ sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty;
 - Tiếp tục củng cố và xây dựng mạng lưới tiêu thụ trong phạm vi khu vực Miền Bắc;
 - Đào tạo nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ bán hàng và bộ phận làm công tác thị trường;
 - Xây dựng chính sách giá cả, chính sách bán hàng hợp lý, mềm dẻo. Đặc biệt chú trọng vào những khách hàng truyền thống, gắn bó lâu dài, giữ được uy tín trong thanh toán với Công ty.

8.3.2. Đánh giá về sự phù hợp với định hướng phát triển của ngành

Với triển vọng lạc quan của ngành, cùng định hướng phát triển ngành thương mại phối thép và các sản phẩm thép, cũng như tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế có thể thấy định hướng của Công ty tương đối phù hợp với định hướng phát triển ngành và chính sách của Nhà nước. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao và có thể thực hiện được việc chi trả cổ tức trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động của Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp và năng động. Tại thời điểm ngày 30/06/2021 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 42 người. Chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2021

| Loại lao động | Số lượng (người) | % (Tỷ lệ) |
|-------------------------------------|------------------|-------------|
| Phân theo hình thức làm việc | 42 | 100% |
| - Khối văn phòng | 18 | 42,86% |
| - Khối nhân công thời vụ | 24 | 57,14% |
| Phân theo giới tính | 42 | 100% |
| - Nam | 30 | 71,43% |
| - Nữ | 12 | 28,57% |
| Tổng | 42 | 100% |

(Nguồn: Công ty cổ phần B.C.H)

9.2. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày theo giờ hành chính. Trường hợp có yêu cầu đột xuất về nhân sự phục vụ thời điểm kinh doanh mùa vụ cao điểm có thể huy động làm thêm giờ và Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể đã ban hành. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Người lao động được làm việc trong một môi trường ổn định, chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ xứng đáng với năng lực chuyên môn và hiệu quả Công việc; mức lương,

thường cạnh tranh. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Các nhà máy và văn phòng Công ty được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn đảm bảo điều kiện an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

9.3. Chính sách tuyển dụng

- Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.

- Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng. Việc tuyển dụng dựa trên tình hình thực tế nhu cầu sử dụng lao động của Công ty để xác định số lượng tuyển dụng cho phù hợp, tận dụng tối đa nguồn nhân lực trong hoạt động kinh doanh.

9.4. Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các cán bộ, nhân viên luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: đào tạo tại chỗ, tổ chức các seminar huấn luyện...

- Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức huấn luyện, đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên.

9.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào vị trí công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và hiệu quả kinh doanh trong tháng của Công ty. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí và tiết kiệm cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của Công ty.



- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Luật lao động, Nội quy lao động đã đề ra. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, phối hợp cùng với tổ chức công đoàn của Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

- Thu nhập bình quân của CBNV Công ty như sau:

Năm 2019: 6.300.000 đồng/người/tháng

Năm 2020: 6.500.000 đồng/người/tháng

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty. Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2020, Công ty không chi trả cổ tức cho cổ đông. Năm 2021, Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức nhằm tập trung nguồn lực phát triển sản xuất kinh doanh.

11. Tình hình hoạt động tài chính năm gần nhất

11.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình của Công ty được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 11: Thời gian khấu hao tài sản cố định

| Tài sản | Thời gian khấu hao |
|---------------------------------|--------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 30 năm |
| Máy móc và thiết bị | 02 – 25 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 07 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 05 năm |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của CTCP B.C.H)

11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm 31/03/2021, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

11.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty cổ phần B.C.H luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Công ty không có khoản nợ thuế hay các khoản phải nộp nào quá hạn. Công ty có các nghĩa vụ về thuế như sau:

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Nộp theo thuế suất 20% theo quy định của Nhà nước.
- Các loại thuế khác: Nộp theo quy định của Nhà nước.

Bảng 12: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(Đơn vị: VND)

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | | 31/12/2020 | | 30/06/2021 | |
|----------------------|-------------|-------------|-------------|---------------|-------------|---------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Phải nộp | Phải thu | Phải nộp | Phải thu |
| + Thuế GTGT hàng bán | - | 535.768.921 | | 2.205.590.182 | - | 4.523.882.027 |
| + Thuế TNDN | 273.379.783 | - | 597.247.188 | - | 543.471.724 | - |
| + Các loại thuế khác | - | - | 26.526.705 | - | - | - |

| | | | | | | |
|------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Tổng cộng | 273.379.783 | 535.768.921 | 623.773.893 | 2.205.590.182 | 543.471.724 | 4.523.882.027 |
|------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

11.4. Trích lập các Quỹ theo luật định

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định. Tính đến 30/06/2021, tình hình trích lập các quỹ của Công ty như sau:

Bảng 13: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị: VND

| Các quỹ | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|-----------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| + Quỹ đầu tư phát triển | - | - | - |
| + Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 25.107.965 | 111.256.693 | 111.256.693 |
| Tổng cộng | 25.107.965 | 111.256.693 | 111.256.693 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

11.5. Tổng dư nợ vay

Bảng 14: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty

Đơn vị: VND

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 99.488.730.000 | 93.516.078.560 | 99.875.332.558 |
| | Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hải Dương (*) | 99.488.730.000 | 93.516.078.560 | 99.875.332.558 |
| 3 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tổng | 99.488.730.000 | 93.516.078.560 | 99.875.332.558 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

(*): Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/1949269/HĐTD ngày 31/8/2020, theo đó tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, trong đó bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/1949269/HĐTD ngày 15/08/2019; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức là 01 năm. Tài sản đảm bảo được quy định theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp sau:

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2018/1949269 ngày 27/6/2018, tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2018/HĐTG-BCH ký ngày 27/6/2018, tổng giá trị 10.000.0000.000 VND.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2017/HĐBĐ ngày 28/8/2017, tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2017/1949269 ký ngày 28/8/2017, tổng giá trị 1.000.0000.000 VND.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/HĐBĐ ngày 14/8/2017, tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2017/1949269 ký ngày 14/8/2017, tổng giá trị 5.000.0000.000 VND.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 03/2016/1949269/HĐBĐ ngày 23/6/2016, tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2016/HĐTG ký ngày 23/6/2016, tổng giá trị 5.000.0000.000 VND.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2016/1949269/HĐBĐ ngày 22/6/2016, tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2016/HĐTG ký ngày 22/6/2016, tổng giá trị 15.000.0000.000 VND.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/1949269/HĐCC ngày 19/4/2019, tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/1949268/HĐTG ký ngày 19/4/2019, tổng giá trị 5.000.0000.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2016/1949269/HĐBĐ ngày 27/9/2016, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần B.C.H tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 09, thuộc xã Kim Lương, huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 447760 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/09/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 00188, tổng giá trị tài sản thế chấp là 18.691.000.000 VND. (Các tài sản đang dùng để thế chấp cho khoản vay tại BIDV Hải Dương chủ yếu là các công trình trên đất tại thửa đất 462 bao gồm: Nhà văn phòng, nhà điều hành, kho hàng hóa, dụng cụ và các công trình phụ...)

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 1510/2008/HĐTC-BCH ngày 16/10/2008, tài sản thế chấp là các phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty cổ phần B.C.H, tổng giá trị tài sản thế chấp là 5.700.000.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐ ngày 31/05/2013, tài sản thế chấp là hàng hóa, thành phẩm tồn kho, nguyên nhiên vật liệu,... luân chuyển trong quá trình sản xuất và thuộc sở hữu của Công ty cổ phần B.C.H. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng là 80.000.000.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/1949269/HĐTC- ngày 23/5/2019, tài sản thế chấp là Xe ô tô con Toyota biển số 34A -175.36, số khung: 3EM4G3700498, số máy: 1TRA200669, giá trị tài sản thế chấp là 750.000.000 VND.

11.6. Hàng tồn kho

Bảng 15: Chi tiết giá trị hàng tồn kho

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.979.786.051 | 4.537.065.325 | 888.586.774 |
| Công cụ, dụng cụ | 9.068.462.677 | 9.058.750.353 | 9.058.750.353 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | 121.771.224 | - |
| Hàng hóa | 91.375.399.881 | 196.537.655.668 | 178.306.225.754 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1.903.024.023) | (500.456.271) | (500.456.271) |
| Tổng | 104.520.624.586 | 209.754.786.299 | 187.753.106.610 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

Hàng tồn kho của Công ty cổ phần B.C.H chủ yếu là hàng hóa cho hoạt động thương mại của Công ty. Trong đó, tồn kho năm 2020 là 209,7 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với cuối năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 đến việc phân phối hàng hóa của Công ty, nên lượng hàng hóa tồn kho năm 2020 tăng hơn 100 tỷ so với cuối năm 2019. Năm 2020, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với một số mã hàng với giá trị trích lập hơn 500 triệu đồng, tùy vào tình hình biến động giá trị thị trường, Công ty sẽ tập trung xử lý các mã hàng trên. Đến 30/06/2021, tổng hàng tồn kho của Công ty giảm nhẹ xuống còn hơn 187,75 tỷ đồng.

11.7. Tình hình công nợ hiện nay

11.7.1. Các khoản phải thu

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu ngắn hạn | 154.180.715.513 | 109.130.003.833 | 187.843.885.715 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 145.127.837.023 | 105.479.227.305 | 185.909.032.313 |
| Trả trước cho người bán | 1.543.236.558 | 836.457.181 | 182.794.498 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 7.509.641.932 | 2.814.319.347 | 1.752.058.904 |
| Phải thu dài hạn | - | - | - |
| Tổng cộng | 154.180.715.513 | 109.130.003.833 | 187.843.885.715 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

- *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*: Phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 105,4 tỷ đồng, giảm gần 40 tỷ đồng so với 2019. Tại thời điểm 30/06/2021 phải thu khách hàng ngắn hạn là 148,1 tỷ đồng chủ yếu là khoản phải thu với CTCP Gang thép Thái Nguyên, CTCP luyện gang Vạn Lợi, Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Đức Đại Phát. Các đối tượng được Công ty chấp nhận cho thanh toán chậm đều là những khách hàng lâu năm, thường xuyên mua sản phẩm của Công ty có uy tín, cũng như thương hiệu trên thị trường.

- *Trả trước cho người bán ngắn hạn*: Khoản mục này chiếm tỷ trọng nhỏ trong các khoản phải thu của Công ty với giá trị năm 2019 là 1,5 tỷ đồng và năm 2020 là 836 triệu đồng.

- *Khoản phải thu ngắn hạn khác*: là khoản lãi tiền gửi ngân hàng và khoản chiết khấu thương mại.

- *Phải thu dài hạn*: Công ty không có khoản phải thu dài hạn nào, với đặc thù thương mại hàng hóa, yêu cầu quay vòng vốn nhanh, nên chủ trương Công ty chưa thực hiện ký kết các hợp đồng mà phát sinh phải thu dài hạn.

11.7.2. Các khoản phải trả

Bảng 17: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 526.014.358.823 | 405.913.404.577 | 431.623.567.837 |

| | | | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn | 368.420.183.666 | 309.142.684.543 | 328.764.726.505 |
| Người mua trả trước tiền bán ngắn hạn | 57.326.952.573 | - | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 273.262.627 | 623.773.893 | 543.471.724 |
| Phải trả người lao động | 131.724.883 | 145.774.581 | 78.237.845 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 122.657.338 | 2.148.096.536 | 2.032.802.741 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 225.739.771 | 225.739.771 | 217.739.771 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 99.488.730.000 | 93.516.078.560 | 99.875.332.558 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 25.107.965 | 111.256.693 | 111.256.693 |
| Nợ dài hạn | - | 48.594.873.985 | 37.094.873.985 |
| Phải trả dài hạn | - | 48.594.873.985 | 37.094.873.985 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - |
| Tổng cộng | 526.014.358.823 | 454.508.278.562 | 468.718.441.822 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

- *Phải trả người bán ngắn hạn*: Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản phải trả người bán ngắn hạn là hơn 309 tỷ đồng, giảm gần 60 tỷ đồng so với năm 2019. Phải trả người bán ngắn hạn tại cuối quý 2/2021 là 328,7 tỷ đồng; chủ yếu là khoản phải trả Công ty cổ phần Thương mại Thái Hưng.

- *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*: Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ thuế với cơ quan nhà nước. Giá trị các khoản phải nộp nhà nước không lớn và chủ yếu là khoản phải nộp thuế TNDN.

- *Nợ dài hạn*: Năm 2020, Công ty phát sinh khoản phải trả dài hạn hơn 48,59 tỷ đồng đối với Công ty cổ phần Thương mại Thái Hưng. Đến 30/6/2021 khoản nợ này đã giảm xuống còn 37,09 tỷ đồng.

11.8. Đầu tư tài chính

Ngoài hoạt động thương mại thép và các sản phẩm thép, Công ty thực hiện hoạt động đầu tư tài chính:

Bảng 18: Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: VNĐ

| STT | Khoản mục đầu tư | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|-----|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Chứng khoán kinh doanh | 123.960.258.146 | 9.802.320.871 | 9.767.120.871 |
| | <i>CP CTCP Thương mại và khai thác khoáng sản Dương Hiếu (mã chứng khoán DHM)</i> | 9.734.580.000 | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 |
| | <i>CTCP Gang thép Thái Nguyên (mã chứng khoán TIS)</i> | 118.275.090.762 | 42.000.762 | - |
| | <i>CTCP thép Việt Ý (mã chứng khoán VIS)</i> | 167.384 | 167.384 | 167.384 |
| | <i>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i> | (4.049.580.000) | (6.800.762) | - |
| 2 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 71.000.000.000 | 71.000.000.000 | 41.000.000.000 |
| | <i>Tiền gửi có kì hạn</i> | 71.000.000.000 | 71.000.000.000 | 41.000.000.000 |
| 3 | Tổng | 194.960.258.146 | 80.802.320.871 | 50.767.120.871 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, BCTC Quý 2/2021 của CTCP B.C.H)

Danh mục chứng khoán kinh doanh tại ngày 31/12/2020 của Công ty chủ yếu bao gồm: hơn 9 tỷ đồng cổ phiếu DHM của CTCP Thương mại và Khai thác khoáng sản Dương Hiếu. Tính tới hiện tại, Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu TIS để thu hồi khoản đầu tư, khoản đầu tư đã giúp Công ty có lãi gần 9 tỷ đồng từ hoạt động đầu tư chứng khoán trong năm 2020. Giá cổ phiếu của mã chứng khoán DHM trên thị trường đang duy trì ổn định và tăng trưởng tốt, do đó tiềm năng thu lời từ đầu tư chứng khoán kinh doanh trong thời gian tới của Công ty là khả quan.

Ngoài ra, Công ty đang duy trì một khoản tiền gửi tiết kiệm 41 tỷ đồng* tính đến 30/06/2021, giúp Công ty có thêm nguồn thu ổn định từ tiền lãi gửi tiết kiệm cũng như được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hải Dương.

11.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2019 | 31/12/2020 |
|----------|--------|------------|------------|
|----------|--------|------------|------------|

| | | | |
|---|------|--------|--------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,865 | 1,0005 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,666 | 0,484 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 71,65 | 68,4 |
| - Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | % | 252,79 | 216,52 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 21,71 | 11,85 |
| - Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân | Vòng | 2,48 | 2,67 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 1,62 | 0,103 |
| Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 17,79 | 0,918 |
| Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân | % | 4,03 | 0,274 |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT | % | 1,64 | 0,126 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của CTCP B.C.H)

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty các năm đều duy trì ở mức tương đối ổn định, cho thấy Công ty không gặp nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Cơ cấu vốn của Công ty có sự chuyển dịch sang việc dùng ít nợ hơn do Công ty đã thực hiện việc thanh toán bớt các khoản phải trả trong năm 2020. Hệ số nợ của Công ty năm 2020 giảm đáng kể so với năm 2019.

Với nhóm chỉ tiêu hoạt động, Công ty có vòng quay hàng tồn kho cao do tính chất ngành thương mại nên Công ty có doanh thu cao và không cần duy trì lượng hàng tồn kho lớn. Năm 2020, hệ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm do lượng hàng hóa của Công ty gặp khó khăn trong việc phân phối tới khách hàng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19.

Với nhóm chỉ tiêu sinh lời của Công ty năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 do năm 2020 công ty ghi nhận LNST giảm đáng kể so với 2019. Năm 2019 Công ty thực hiện hoàn

nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, nên lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty có sự tăng mạnh đột biến so với các năm.

12. Tài sản của Công ty

Bảng 20: Giá trị tài sản cố định của Công ty

| STT | Danh mục tài sản | 31/12/2020 | | % Giá trị còn lại |
|-----------|--|------------------------|------------------------|-------------------|
| | | Nguyên giá (đồng) | Giá trị còn lại (đồng) | |
| I | Tổng giá trị tài sản cố định hữu hình | 521.969.591.241 | 258.300.805.787 | 49,48 |
| 1 | Nhà cửa vật kiến trúc | 124.350.517.315 | 59.114.346.458 | 47,54 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 380.243.751.189 | 198.761.998.290 | 52,27 |
| 3 | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 16.304.593.019 | 424.461.039 | 2,6 |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 1.070.729.718 | 0 | 0 |
| II | Tổng giá trị tài sản vô hình | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Phần mềm máy tính | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 521.969.591.241 | 258.300.805.787 | 49,48 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của CTCP B.C.H)

- Một số tài sản cố định hữu hình thuộc hạng mục nhà cửa vật kiến trúc và phương tiện vận tải truyền dẫn có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 27.634.619.447 VND và 10.893.085.785 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương.

- Dây chuyền, máy móc thiết bị thuộc nhà máy sản xuất thép đang tạm dừng sản xuất đang được Công ty cho Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng thuê để làm tài sản đảm bảo tại ngân hàng theo hợp đồng số 0201/HĐ2016/BCH-TH ngày 02/01/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 12 tháng, hàng năm được gia hạn thông qua phụ lục hợp đồng. Giá thuê được xác định căn cứ vào giá trị định giá tài sản thế chấp với tỷ lệ thỏa thuận không quá 3,5% giá trị định giá được ngân hàng chấp thuận. Cụ thể: Căn cứ vào biên bản định giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương: tổng giá trị tài sản của Công ty cho Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng thuê để làm tài sản đảm bảo tại Vietcombank Hải Dương được định giá với giá trị là: 253.144.000.000 đồng, trong đó đối với tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hóa tổng giá trị xác định là 213.297.000.000 đồng; đối với các tài sản còn lại khác tổng giá trị xác định là 39.847.000.000

đồng. Công ty căn cứ vào giá trị định giá và thỏa thuận tỷ lệ để xác định giá thuê tài sản năm 2020 như sau: $3,5\% \times 253.144.000.000 \text{ đồng} \times (1+10\% \text{ VAT}) = 9.746.044.000 \text{ đồng}$.

Hiện tại, ngoài các tài sản hữu hình Công ty còn đang sở hữu 2 thửa đất, nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm, cụ thể:

- Thửa đất số 458, tờ bản đồ số 9 với diện tích 47.276 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 447761 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/09/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 00187 (Thửa đất này đang có công trình trên đất là nhà máy sản xuất thép đang tạm dừng sản xuất của Công ty).

- Thửa đất số 462, tờ bản đồ số 9 với diện tích 21.354 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 447760 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/09/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 00188 (Thửa đất này đang có công trình trên đất là Nhà văn phòng, nhà điều hành, kho hàng hóa, dụng cụ và các công trình phụ...).

Với tổng diện tích là 68.630 m² và trải dài từ mặt đường quốc lộ 5 đến bờ sông Kinh Thầy, Công ty đang có rất nhiều lợi thế về dịch vụ cho thuê kho bãi, trung chuyển hàng hóa giữa Hải Phòng và Hà Nội cũng như dịch vụ cảng sông - làm cảng kho hàng cho tàu trên sông Kinh Thầy. Ban lãnh đạo Công ty đang tập trung nghiên cứu và sớm đưa vào khai thác những lợi thế này trong thời gian sắp tới.

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Công ty giai đoạn năm 2021 – 2022

Bảng 21: Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Công ty giai đoạn năm 2021 – 2022

DVT: đồng

| STT | Kế hoạch | Năm 2021 | % Tăng/ giảm 2021/2020 | Năm 2022 | % Tăng/ giảm 2022/2021 |
|-----|---------------------------------|-------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 190.000.000.000 | - | 190.000.000.000 | - |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.200.000.000.000 | -40% | 1.500.000.000.000 | 25% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 2.000.000.000 | -33,33% | 3.000.000.000 | 50% |
| 4 | Tỷ lệ LNST/ Doanh thu thuần (%) | 0,17% | - | 0,2% | - |

| | | | | | |
|---|-----------------------------|-------|---|-------|---|
| 5 | Tỷ lệ LNST/ Vốn điều lệ (%) | 1,05% | - | 1,58% | - |
| 6 | Cổ tức (%) | 0% | - | 0% | - |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 29/04/2021 của Công ty)

13.2. Căn cứ thực hiện kế hoạch

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thực hiện sát sao chiến lược, mục tiêu và định hướng phát triển mà Ban lãnh đạo đã đề ra. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 2021 – 2022 được Công ty xây dựng dựa trên các yếu tố sau:

- Những hậu quả để lại cho nền kinh tế từ dịch bệnh Covid-19 cần có thời gian để phục hồi. Với những tín hiệu chưa khả quan từ phía đối tác và khách hàng, Công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận giảm so với 2020 là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế.
- Hệ thống khách hàng trung thành cũng như kỳ vọng sự tăng trưởng thị trường xây dựng hạ tầng, bất động sản tiếp tục phát triển và khả quan sẽ thúc đẩy nhu cầu thép xây dựng trong năm tới. Đó là những tín hiệu vĩ mô tích cực giúp Công ty đặt kế hoạch lợi nhuận như trên.
- Tính đến cuối Quý II/2021, tận dụng cơ hội từ sự tăng đột biến giá thép trên thị trường, Công ty đã ghi nhận mức doanh thu hơn 1.105,4 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế là hơn 2,1 tỷ đồng. Như vậy đến 30/6/2021, Công ty đã hoàn thành 92% kế hoạch Doanh thu và đạt 108,5% kế hoạch Lợi nhuận của cả năm 2021.
- Công ty chưa chia cổ tức giai đoạn 2021-2022 để tập trung nguồn lực phát triển kinh doanh.

13.3. Biện pháp để thực hiện kế hoạch

+ Củng cố lực lượng làm công tác thị trường, thường xuyên bám sát và nắm bắt kịp thời biến động của thị trường, nghiên cứu đề xuất hướng phát triển các mảng hoạt động kinh doanh mới cũng như các sản phẩm mới trên thị trường. Tập trung thị trường trọng điểm là khu vực Miền Bắc;

+ Tiếp tục nâng cao uy tín với khách hàng, củng cố mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường và sàng lọc khách hàng;

+ Thường xuyên trao đổi thông tin khách hàng để nắm bắt chính xác và kịp thời nhu cầu về sản phẩm. Hoàn thiện và nâng cao hệ thống bán hàng, giao hàng nhanh chóng đúng cam kết;

+ Xây dựng chính sách chăm sóc đối với các khách hàng thân thuộc và chính sách đối với những nhà cung cấp lâu dài.

+ Xây dựng kế hoạch nhập hàng và lượng hàng tồn kho hợp lý với thị trường kinh tế nói chung, thị trường ngành thép nói riêng và tình hình tài chính công ty.

+ Thực hiện đàm phán và phát hành thành công nguồn trái phiếu doanh nghiệp (loại hình trái phiếu riêng lẻ chuyển đổi) với đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án : “*Cải tạo nhà máy và nâng cấp công nghệ sản xuất phôi thép của Công ty cổ phần B.C.H*”.

+ Kiện toàn lại bộ máy nhân sự, tăng cường công tác quản trị, kiểm tra, kiểm soát để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức ĐKGD

Không có.

15. Chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong thời gian tới, chiến lược phát triển của Công ty vẫn tập trung phát triển hoạt động thương mại thép và các sản phẩm thép.

- Đảm bảo tính hiệu quả phân phối, duy trì các khách hàng truyền thống:

- + Xây dựng cơ chế, chính sách ổn định gắn quyền lợi lâu dài của khách hàng với Công ty.
- + Xây dựng giá bán và cơ chế riêng phù hợp, ưu đãi đối với các đơn vị trực tiếp sử dụng thép để xây dựng, sản xuất; các đơn đặt hàng với số lượng lớn, hàng đặt theo quy cách riêng...

- Thúc đẩy, tập trung tìm kiếm các khách hàng mới:

- + Xây dựng các kênh Marketing nâng cao hình ảnh, thương hiệu Công ty
- + Có chính sách bán hàng riêng cho khách hàng mới
- + Tập trung khai thác các chủ đầu tư, doanh nghiệp xây dựng lớn để phát triển mạng lưới phân phối thép xây dựng.
- + Xây dựng các hệ thống đại lý với chính sách chiết khấu phù hợp

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng:

- + Vận chuyển tiêu thụ theo yêu cầu khách hàng, đảm bảo đúng tiến độ và thông số kỹ thuật hàng hóa
- + Cam kết chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm
- + Tăng cường các hình thức, dịch vụ chăm sóc khách hàng

+ Củng cố hệ thống cấp bán hàng nhanh chóng, thuận tiện: viết hóa đơn điện tử, đặt hàng và giao dịch mua bán thông qua các phần mềm trực tuyến.

- **Tái khởi động hoạt động sản xuất phiêu thép:** Thực hiện đàm phán với các đối tác chiến lược để thu xếp nguồn vốn thực hiện dự án : “*Cải tạo nhà máy và nâng cấp công nghệ sản xuất phiêu thép của Công ty cổ phần B.C.H*”.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|--------------------------|-------------------|---|
| Hội đồng quản trị | | |
| 1 | Nguyễn Duy Luân | Chủ tịch HĐQT (Điều hành) |
| 2 | Đặng Ngọc Hưng | Thành viên HĐQT (Điều hành) |
| 3 | Phạm Bá Phú | Thành viên HĐQT (Không Điều hành) |
| 4 | Nguyễn Thị Dung | Thành viên HĐQT (Điều hành) |
| 5 | Nguyễn Tổng Thắng | Thành viên HĐQT độc lập (Không Điều hành) |
| Ban Kiểm soát | | |
| 1 | Trần Ngọc Hân | Trưởng BKS |
| 2 | Nguyễn Thị Linh | Thành viên BKS |
| 3 | Vũ Văn Dương | Thành viên BKS |
| Ban Giám đốc | | |
| 1 | Đặng Ngọc Hưng | Tổng Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Thị Dung | Phó Tổng Giám đốc |
| Kế toán trưởng | | |
| 1 | Lê Thu Phương | Kế toán trưởng |

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

1.1. Chủ tịch HĐQT – Ông Nguyễn Duy Luân

- Họ và tên: Nguyễn Duy Luân
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/06/1973
- Nơi sinh: Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 21, Phường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
- Chứng minh thư nhân dân số: 090700426 ngày cấp 01/07/2013 nơi cấp CA Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Việt Ý
- Quá trình công tác:

| Năm | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------|------------------------------|--|
| Từ 1993 - 2003 | Dịch vụ kim khí Thái Hưng | Phòng kinh doanh, phòng tổ chức, phòng kế toán tài chính |
| Từ 2003 - 2006 | CTCP Thương mại Thái Hưng | Trưởng phòng kinh doanh |
| Từ 2006 - 2010 | CTCP luyện cán thép Gia Sàng | Phó Tổng Giám đốc |
| Từ 2010 - 2018 | CTCP B.C.H | Phó Tổng Giám đốc |
| Từ 2017 - nay | CTCP thép Việt Ý | Thành viên HĐQT |
| Từ 2018 - nay | CTCP B.C.H | Chủ tịch HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 1.668.000 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - o Sở hữu của người có liên quan:

| Tên | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Mối quan hệ |
|-----------------|---|------------------|-------------|
| Nguyễn Văn Miện | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 818.000 | Em ruột |

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Theo quy định của Công ty

- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

1.2. Thành viên HĐQT – Ông Đặng Ngọc Hưng

- Họ và tên: Đặng Ngọc Hưng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/06/1979
- Nơi sinh: Xã Võ Cường, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 214, Đường Nguyễn Trãi, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Chứng minh thư nhân dân số: 125202383 ngày cấp 31/03/2014 nơi cấp CA Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phầnThép Việt Ý
- Quá trình công tác:

| Năm | Công ty/Tổ chức Công tác | Chức vụ nắm giữ |
|----------------|---|---|
| Từ 2001 - 2003 | Trung tâm Hỗ trợ DNNVV – Tổng cục Tiêu chuẩn – Đo Lường - Chất Lượng Việt Nam | - Nhân viên. - Trưởng phòng Tư vấn – Đào tạo, chuyên viên tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng. |
| Từ 2003 - 2008 | Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) | - Chi nhánh ACB Cửa Nam - TP Giao dịch ACB Nội Bài - Chi nhánh ACB Phùng Hưng - Đại diện chất lượng khu vực miền Bắc – Ban chất lượng ngân hàng Á Châu |
| Từ 2008 - 2013 | Công ty cổ phần B.C.H | - Giám đốc nhân sự |
| Từ 2013 - 2015 | Công ty CP luyện gang Vạn lợi | - Phó Tổng giám đốc |
| Từ 2016 - 2018 | Công ty cổ phầnThép Việt Ý | - Thành viên HĐQT |

| | | |
|---------------|-----------------------------|--------------------------------------|
| Từ 2018 - nay | Công ty cổ phần B.C.H | - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Từ 2019 - nay | Công ty cổ phần Thép Việt Ý | - Phó Tổng giám đốc |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 1.126.000 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.3. Thành viên HĐQT – Ông Phạm Bá Phú

- Họ và tên: Phạm Bá Phú
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/08/1983
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên
- Chứng minh thư nhân dân số: 091627548, ngày cấp 13/11/2016, nơi cấp CA Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Năm | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------|-----------------------------------|--|
| Từ 2006 - 2007 | Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng | Nhân viên |
| Từ 2008 – 2009 | CTCP Thương mại Thái Hưng | Tổ trưởng tổ hàng hóa nhập khẩu – phòng xuất nhập khẩu |

| | | |
|----------------|---------------------------|---------------------------------|
| Từ 2009 – 2019 | CTCP Thương mại Thái Hưng | Phó trưởng phòng xuất nhập khẩu |
| Từ 2020 - nay | CTCP B.C.H | Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 976.000 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

| Tên | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Mối quan hệ |
|-----------------|--|------------------|-------------|
| Phạm Thị Thuần | Tổ 17, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên | 100 | Chị ruột |
| Phạm Thị Tươi | Tổ 16, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 100 | Em ruột |
| Nguyễn Hồng Nam | Tổ 17, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên | 100 | Anh rể |

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

1.4. Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Dung

- Họ và tên: Nguyễn Thị Dung
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 16/03/1981
- Nơi sinh: Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 7, phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên
- Căn cước công dân số: 030181001143 ngày cấp 12/01/2016 nơi cấp Cục cảnh sát
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Năm | Đơn vị Công tác | Chức vụ |
|-----|-----------------|---------|
|-----|-----------------|---------|

| | | |
|------------------|---------------------------|----------------------|
| Từ 2007 - 2015 | Công ty CP B.C.H | Trưởng ban tài chính |
| Từ 2018 - 2020 | CTCP Thương mại Thái Hưng | Phó Tổng giám đốc |
| Từ 2015 - nay | Công ty CP B.C.H | Phó Tổng giám đốc |
| Từ 04/2021 - nay | Công ty CP B.C.H | Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - o Sở hữu của người có liên quan:

| Tên | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Mối quan hệ |
|---------------|------------------------------------|------------------|-------------|
| Phạm Chí Dũng | Phường Ngô Bệ, thành phố Hải Dương | 100 | Chồng |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.5. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Tổng Thắng

- Họ và tên: Nguyễn Tổng Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/01/1983
- Nơi sinh: Bệnh viện C
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P. Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Chứng minh thư nhân dân số: 090759445, cấp ngày: 08/3/2017 nơi cấp CA Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cao Đẳng - Chuyên ngành: Công nghệ thông tin
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Tháng năm | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------|---|--------------------------|
| Từ 2013 - 2015 | Công ty TNHH MTV Cốp pha thép Thái Hưng | Phòng Tổ chức Hành chính |

| | | |
|-------------------|---------------------------------|---|
| Từ 2015 - 2016 | CTCP Thương mại Thái Hưng | Nhân viên Hành chính - Phòng Tổ chức Hành chính |
| Từ 2017 - 2020 | CTCP Thương mại Thái Hưng | Trưởng bộ phận Truyền thông và thương hiệu - Phòng Tổ chức Hành chính |
| Từ 04/2018 – 2020 | CTCP Phát hành sách Thái Nguyên | Thành viên Ban kiểm soát |
| Từ 04/2021 - nay | CTCP B.C.H | Thành viên HĐQT độc lập |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan: Không
- o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Trưởng BKS – Ông Trần Ngọc Hân

- Họ và tên: Trần Ngọc Hân
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/09/1987
- Nơi sinh: xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
- Chứng minh thư nhân dân số: 091013097 ngày cấp: 28/05/2009 nơi cấp CA Thái Nguyên.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Nhân viên phòng kinh doanh kiêm Trưởng ban Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Năm | Đơn vị Công tác | Chức vụ |
|----------------|----------------------------------|----------------------------|
| Từ 2008 - 2011 | Công ty TNHH Thương mại Hoa Dũng | Nhân viên kế toán |
| Từ 2011 - 2014 | Công ty CP B.C.H | Nhân viên kế toán |
| Từ 2014 - nay | Công ty CP B.C.H | Nhân viên Phòng Kinh doanh |
| Từ 2019 - nay | Công ty CP B.C.H | Trưởng BKS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 63.000 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. Thành viên BKS – Bà Nguyễn Thị Linh

- Họ và tên: Nguyễn Thị Linh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 19/04/1994
- Nơi sinh: Thủ Chính, Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thủ Chính, Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương
- Chứng minh thư nhân dân số: 142656170 ngày cấp 26/03/2009 nơi cấp CA Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Năm | Đơn vị Công tác | Chức vụ |
|----------------|------------------|----------------------------|
| Từ 2016 - 2018 | Công ty CP B.C.H | Nhân viên phòng Kinh doanh |
| Từ 2019 - nay | Công ty CP B.C.H | Thành viên BKS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 38.000 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.3. Thành viên BKS – ông Vũ Văn Dương

- Họ và tên: Vũ Văn Dương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/01/1989
- Nơi sinh: Phong Châu, Đông Hưng, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phong Châu, Đông Hưng, Thái Bình
- Chứng minh thư nhân dân số: 151907258, cấp ngày: 11/04/2007 nơi cấp CA Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Nhân viên phòng kinh doanh kiêm Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Năm | Đơn vị Công tác | Chức vụ |
|----------------|------------------|----------------------------|
| Từ 2012 - 2015 | Công ty CP B.C.H | Nhân viên kế toán |
| Từ 2016 - nay | Công ty CP B.C.H | Nhân viên Phòng Kinh doanh |
| Từ 2019 - nay | Công ty CP B.C.H | Thành viên BKS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan: Không
- Sở hữu cá nhân: 63.000 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ban Tổng Giám đốc

3.1. Tổng Giám đốc – Ông Đặng Ngọc Hưng

Ông Đặng Ngọc Hưng

(Lý lịch: Xem mục lý lịch Thành viên HĐQT)

3.2. Phó Tổng giám đốc – Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Dung

(Lý lịch: Xem mục lý lịch Thành viên HĐQT)

4. Kế toán trưởng – Bà Lê Thu Phương

- Họ và tên: Lê Thu Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 17/07/1983
- Nơi sinh: Bệnh viện Gang Thép, Tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số nhà 6, ngách 2, ngõ 86 phố Hồng Thái, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
- Căn cước công dân số: 019183000706 ngày cấp 22/02/2017 nơi cấp Cục cảnh sát
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP B.C.H: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Năm | Đơn vị Công tác | Chức vụ |
|----------------|-------------------------|-------------------|
| Từ 2006 - 2007 | Công ty cổ phần Kim Tín | Nhân viên kế toán |
| Từ 2008 - 2010 | Công ty cổ phần B.C.H | Nhân viên kế toán |
| Từ 2010 - nay | Công ty cổ phần B.C.H | Kế toán trưởng |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.343.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Ngày 15/04/2019, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, trong đó thông qua kết quả bầu cử và danh sách thành viên BKS của Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2022.

Ngày 29/04/2021, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, trong đó thông qua thay đổi Điều lệ Công ty, các quy chế quản trị Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo các quy định mới.

Để tăng cường kế hoạch quản trị Công ty, Công ty đã xây dựng quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty cổ phần B.C.H. Các nguyên tắc quản trị Công ty được Công ty xây dựng trong quy chế quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- Đối xử Công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ với người nội bộ | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|----------|--------------------------|------------------------------|------------------------------|--|-------------------|--------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | | | |
| 1 | Nguyễn Duy Luân | Chủ tịch HĐQT | - | Tổ 21, Phường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên | 1.668.000 | 8,78% |
| | Nguyễn Duy Hoát | - | Bố đẻ | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nông Thị Thu Huyền | - | Vợ | Tổ 21, Phường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Duy Đạt | - | Anh ruột | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Đào Thị Sáu | - | Chị dâu | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Huệ | - | Chị ruột | Tổ 4, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Trọng Phương | - | Anh rể | Tổ 4, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |

| | | | | | | |
|----------|-----------------------------|------------------------|-------------------|--|------------------|--------------|
| | Nguyễn Thị Loan | - | Chị ruột | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Trọng Xuyên | - | Anh rể | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Yên | - | Em gái | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Văn Miện | - | Em rể | Thủ Chính, phường Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 818.000 | 4,3% |
| | Công ty cổ phần thép Việt ý | - | Thành viên HĐQT | Khu công Nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên | 0 | 0 |
| 2 | Đặng Ngọc Hưng | Thành viên HĐQT | - | Số nhà 214, Đường Nguyễn Trãi, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 1.126.000 | 5,93% |
| | Đặng Ngọc Hợi | - | Bố ruột | Số 214, Đường Nguyễn Trãi, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Lê | - | Mẹ ruột | Số 214, Đường Nguyễn Trãi, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Vân | - | Vợ | Số 214, Đường Nguyễn Trãi, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Đặng Minh Tuấn | - | Con ruột | Số 214, Đường Nguyễn Trãi, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Đặng Khánh Chi | - | Con ruột | Số 214, Đường Nguyễn Trãi, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Đặng Thị Huệ | - | Chị ruột | Đường 53, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Doãn Ngọc Hà | - | Anh rể | Đường 53, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Đặng Thị Hương | - | Chị ruột | Đường Trần Hưng Đạo, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Nguyễn Quốc Cường | - | Anh rể | Đường Trần Hưng Đạo, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Công ty cổ phần thép Việt Ý | - | Phó Tổng giám đốc | Khu công Nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên | 0 | 0 |

| | | | | | | |
|---|------------------------|------------------------|----------|---|----------------|--------------|
| 3 | Phạm Bá Phú | Thành viên HĐQT | - | Tổ 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 976.000 | 5,14% |
| | Phạm Bá Thạc | - | Bố đẻ | Đã mất | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Phần | - | Mẹ đẻ | Tổ 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Đặng Văn Hường | - | Bố vợ | Tổ 6, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Én | - | Mẹ vợ | Tổ 6, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Đặng Thị Chi | | Vợ | Tổ 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Phạm Bá Tùng | | Con ruột | Tổ 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Phạm Tùng Bách | | Con ruột | Tổ 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Phạm Minh Phúc | | Con ruột | Tổ 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Phạm Thị Thuần | | Chị ruột | Tổ 17, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên | 100 | 0,0005 |
| | Phạm Thị Thuận | | Chị ruột | Số 26 Ngô Bệ, P. Hải Tân, TP. Hải Dương | 0 | 0 |
| | Phạm Thị Tươi | | Em ruột | Tổ 16, Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên | 100 | 0,0005 |
| | Nguyễn Hồng Nam | | Anh rể | Tổ 17, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên | 100 | 0,0005 |
| | Phạm Trí Thành | | Anh rể | Số 26 Ngô Bệ, P. Hải Tân, TP. Hải Dương | 0 | 0 |
| 4 | Nguyễn Thị Dung | Thành viên HĐQT | - | Phường Ngô Bệ, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 0 | 0% |
| | Nguyễn Đình Trai | - | Bố đẻ | Phường Ngô bệ, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Duyên | - | Mẹ đẻ | Phường Ngô bệ, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 0 | 0 |
| | Phạm Xuân Thịnh | - | Bố chồng | Sơn Cẩm, Phú Lương, Thái Nguyên | 0 | 0 |

| | | | | | | |
|---|--------------------------|------------------------|----------|--|----------|----------|
| | Trần Thị Bé | - | Mẹ chồng | Sơn Cẩm, Phú Lương, Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Phạm Chí Dũng | - | Chồng | Phường Ngô bệ, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 100 | 0,0005 |
| | Phạm Minh Đức | - | Con ruột | Phường Ngô bệ, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 0 | 0 |
| | Phạm Bình Minh | - | Con ruột | Phường Ngô bệ, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Đình Huy | - | Em ruột | Phường Ngô bệ, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 0 | 0 |
| | Đoàn Thị Thu Thủy | - | Em dâu | Phường Ngô bệ, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Huyền | - | Em ruột | Phường Gang Thép, TP Thái Nguyên | 0 | 0 |
| 5 | Nguyễn Tổng Thắng | Thành viên HĐQT | - | Tổ 13, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Tổng Dụng | | Bố đẻ | Số nhà 622, P. Bách Quang, Sông Công, Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Hoa | | Mẹ đẻ | Số nhà 622, P. Bách Quang, Sông Công, Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thành Công | | Bố vợ | Phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Hoàng Thị Nguyệt | | Mẹ vợ | Phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Bằng | | Vợ | Tổ 13, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thùy Dương | | Con ruột | Tổ 13, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Minh Khôi | | Con ruột | Tổ 13, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Tổng Kiên | | Anh ruột | Tổ 4, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |

| | | | | | | |
|-----------|---------------------------------|-----------------------------|----------|--|---------------|--------------|
| | Nguyễn Tổng Quyết | | Anh ruột | Phường Bách Quang, Tp Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Tổng Chiến | | Anh ruột | Thanh Xuân 1, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Đinh Thị Thủy | | Chị dâu | Tổ 4, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Dương Thị Thùy Anh | | Chị dâu | Phường Bách Quang, Tp Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| II | Thành viên Ban kiểm soát | | | | | |
| 1 | Trần Ngọc Hân | Trưởng Ban kiểm soát | - | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 63.000 | 0,33% |
| | Trần Duy Hưng | - | Bố đẻ | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Lương Thị Hằng | - | Mẹ đẻ | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Đào Quang Cảnh | - | Bố vợ | TDP Đình Cả 1, TT Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Vũ Thị Bình | - | Mẹ vợ | TDP Đình Cả 1, TT Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Đào Thị Tuyến | - | Vợ | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Trần Tài | - | Em ruột | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Tạ Thị Tú | - | Em dâu | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |

01/01/2017
 B
 1/14

| | | | | | | |
|------------|-------------------------------------|---------------------------------|----------|---|---------------|--------------|
| | Trần Tuệ Nhi | - | Con ruột | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Trần Minh Khang | - | Con ruột | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Trần Anh Thư | - | Con ruột | Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| 2 | Vũ Văn Dương | Thành viên Ban kiểm soát | - | Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 63.000 | 0,33% |
| | Vũ Văn Hà | - | Bố đẻ | Phường Tân lập, TP Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Huệ | - | Mẹ đẻ | Phường Tân lập, TP Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Dung | - | Mẹ vợ | Xuân Dương, Vạn Ninh, Gia Bình, Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Nguyễn Văn Phồn | - | Bố vợ | Xuân Dương, Vạn Ninh, Gia Bình, Bắc Ninh | 0 | 0 |
| | Vũ Quốc Thái | - | Anh ruột | P tân lập, TP Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Anh | - | Vợ | P tân lập, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| | Vũ Quỳnh Như | - | Con ruột | P tân lập, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 0 | 0 |
| 3 | Nguyễn Thị Linh | Thành viên Ban kiểm soát | - | Thủ Chính, Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 38.000 | 0,2% |
| | Nguyễn Thị Lương | - | Mẹ đẻ | Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Thị Bình | - | Em ruột | Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| | Nguyễn Duy Long | - | Em ruột | Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương | 0 | 0 |
| III | Ban giám đốc, kế toán trưởng | | | | | |

| | | | | | |
|----|-----------------------------|-------------------|----------------------------------|---|------------------|
| 1 | Đặng Ngọc Hưng | Tổng giám đốc | (xem thông tin tại phần 2 Mục I) | | |
| 2 | Nguyễn Thị Dung | Phó Tổng giám đốc | (xem thông tin tại phần 4 Mục I) | | |
| 3 | Lê Thu Phương | Kế toán trưởng | - | Số nhà 6 ngách 2 ngõ 86 phố Hồng Thái, Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | 1.343.000 7,068% |
| | Phạm Thị Hiệp | - | Mẹ đẻ | Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 0 0 |
| | Nguyễn Duy Ưởng | - | Bố chồng | Thủ Chính, P.Đông Lạc, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương | 0 0 |
| | Đặng Thị Minh | - | Mẹ chồng | Thủ Chính, P.Đông Lạc, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương | 0 0 |
| | Nguyễn Duy Quang | - | Chồng | Thủ Chính, P.Đông Lạc, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương | 0 0 |
| | Nguyễn Duy Vinh | - | Con trai | Số nhà 6 ngách 2 ngõ 86 phố Hồng Thái, Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | 0 0 |
| | Nguyễn Phương Dung | - | Con gái | Số nhà 6 ngách 2 ngõ 86 phố Hồng Thái, Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | 0 0 |
| | Lê Hồng Thanh | - | Anh trai | SN50, LK5, KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội | 0 0 |
| | Lê Thị Thanh Hòa | - | Chị dâu | SN50, LK5, KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội | 0 0 |
| IV | Phụ trách Công bố thông tin | | | | |

| | | | | | |
|---|--------------------|-----------------|------------------------------------|--|--|
| 1 | Lê Thu Phương | Kế toán trưởng | (xem thông tin tại phần 3 Mục III) | | |
| V | Phụ trách quản trị | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Dung | Thành viên HĐQT | (xem thông tin tại phần 4 Mục I) | | |

7. Thông kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền lương, thưởng, phụ cấp | 219.162.257 | 194.055.251 |
| Cộng | 219.162.257 | 194.055.251 |

B. Giao dịch với các bên liên quan khác

- Mỗi quan hệ với các bên liên quan:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng | Bà Nguyễn Thị Dung - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần B.C.H là Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng |
| Công ty Cổ phần thép Việt Ý | Ông Đặng Ngọc Hưng - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần B.C.H là Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần thép Việt Ý |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng | Ông Đặng Ngọc Hưng - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần B.C.H là Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần thép Việt Ý |
| Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng | Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng sở hữu 100% vốn |

(*) Từ ngày 02 tháng 01 năm 2020 Công ty cổ phần Thương mại Thái Hưng và Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng không còn là bên liên quan của Công ty cổ phần BCH.

- Giao dịch với các bên liên quan:

| Năm 2020 | Năm 2019 |
|----------|----------|
|----------|----------|

Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng(*)

| | | |
|----------------------------|---|-----------------|
| Phải thu tiền thuê tài sản | - | 6.831.000.000 |
| Phải thu tiền bán hàng | - | 231.651.868.184 |
| Thu tiền | - | 104.342.422.983 |
| Phải trả tiền mua hàng | - | 986.795.898.096 |
| Phải trả tiền vận chuyển | - | 6.345.452.553 |
| Trả tiền | - | 647.123.422.983 |
| Trả tiền vay | - | 150.809.000.000 |

Công ty Cổ phần thép Việt Ý

| | | |
|----------|---|---------------|
| Thu tiền | - | 3.472.016.837 |
|----------|---|---------------|

Chi nhánh Công ty Cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng

| | | |
|----------|---|-------------|
| Thu tiền | - | 453.677.771 |
|----------|---|-------------|

Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng(*)

| | | |
|------------------------|---|-----------------|
| Phải thu tiền bán hàng | - | 250.412.988.408 |
| Thu tiền | - | 242.833.940.988 |
| Bù trừ công nợ | - | 25.973.866.380 |
| Phải trả tiền mua hàng | - | 164.937.083.300 |
| Trả tiền | - | 168.290.000.000 |

(Theo BCTC năm 2020 đã được kiểm toán của CTCP BCH)

CTCP
DUY NH

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán.

Hải Dương, ngày ... tháng ... năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT


ĐẶNG NGỌC HÙNG

